

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG**



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH : KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

HẢI PHÒNG – 2022

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN
CỐ ĐỊNH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ
VẬN TẢI ANH LỘC PHÁT - H68**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Sinh viên :Phạm Thị Phương Ngân

Giảng viên hướng dẫn : Th.s Phạm Thị Nga

HẢI PHÒNG – 2022

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Phạm Thị Phương Ngân

Mã SV: 1812401004

Lớp : QT2201K

Ngành : Kế Toán - Kiểm Toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán tài sản cố định tại công ty TNHH
thương mại và vận tải Anh Lộc Phát - H68

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp

- Nghiên cứu lí luận chung về công tác kế toán tài sản cố định tại doanh nghiệp .

- Mô tả và phân tích thực trạng công tác kế toán tài sản cố định tại công ty TNHH thương mại và vận tải Anh Lộc Phát - H68.

- Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán tài sản cố định tại công ty TNHH thương mại và vận tải Anh Lộc Phát - H68.

2. Các tài liệu, số liệu cần thiết

-Các văn bản của nhà nước về chế độ kế toán liên quan đến công tác kế toán tài sản cố định tại doanh nghiệp.

- Số liệu về thực trạng kế toán công tác, kế toán tài sản cố định tại công ty TNHH thương mại và vận tải Anh Lộc Phát - H68.

- Hệ thống số kế toán liên quan đến tổ chức kế toán tài sản cố định tại công ty TNHH thương mại và vận tải Anh Lộc Phát - H68 sử dụng số liệu năm 2021.

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp

- Công ty TNHH thương mại và vận tải Anh Lộc Phát - H68

-Địa chỉ : 12/138 Hai Bà Trưng, An Biên, Lê Chân, Hải Phòng.

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Họ và tên : Phạm Thị Nga

Học hàm, học vị : Thạc Sĩ

Cơ quan công tác : Trường Đại học Quản lý và Công nghệ Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán tài sản cố định tại công ty TNHH thương mại và vận tải Anh Lộc Phát - H68.

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 04 tháng 04 năm 2022

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 24 tháng 06 năm 2022

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN
Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN
Giảng viên hướng dẫn

Phạm Thị Phương Ngân

Th.s Phạm Thị Nga

Hải Phòng, ngày tháng năm 2022

XÁC NHẬN CỦA KHOA

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	1
CHƯƠNG 1 LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TRONG DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA	3
1.1 Những vấn đề chung về kế toán tài sản cố định trong doanh nghiệp nhỏ và vừa.	3
1.1.1 Khái niệm, đặc điểm và tiêu chuẩn nhận biết tài sản cố định trong doanh nghiệp nhỏ và vừa.	3
1.1.1.1 Khái niệm và đặc điểm tài sản cố định.....	3
1.1.1.2 Tiêu chuẩn ghi nhận tài sản cố định.....	4
1.1.2 Phân loại và đánh giá tài sản cố định trong doanh nghiệp nhỏ và vừa	6
1.1.2.1 Phân loại tài sản cố định.....	6
1.1.2.2 Đánh giá giá trị tài sản cố định.....	10
1.1.3 Nguyên tắc quản lý và nhiệm vụ của kế toán tài sản cố định trong doanh nghiệp nhỏ và vừa.	16
1.1.3.1 Nguyên tắc quản lý TSCĐ trong doanh nghiệp	16
1.1.3.2 Nhiệm vụ của kế toán tài sản cố định.....	17
1.2 Nội dung công tác kế toán tài sản cố định trong doanh nghiệp nhỏ và vừa.	18
1.2.1 Kế toán chi tiết tài sản cố định trong doanh nghiệp	18
1.2.2 Kế toán tổng hợp tăng, giảm tài sản cố định trong doanh nghiệp nhỏ và vừa.	19
1.2.2.1 Chứng từ sử dụng	19
1.2.2.2 Tài khoản sử dụng	19
1.2.2.3 Phương pháp hạch toán tài sản cố định	20
1.3. Kế toán khấu hao tài sản cố định trong doanh nghiệp nhỏ và vừa.....	22
1.3.1. Nguyên tắc khấu hao tài sản cố định	22
1.3.2. Xác định thời gian trích khấu hao của tài sản cố định.....	23
1.3.3. Các phương pháp trích khấu hao tài sản cố định	24
1.3.4. Chứng từ và tài khoản sử dụng	27
1.3.5. Phương pháp hạch toán.....	28
1.4. Kế toán sửa chữa tài sản cố định trong doanh nghiệp nhỏ và vừa.....	28
1.4.1 Kế toán sửa chữa thường xuyên tài sản cố định trong doanh nghiệp nhỏ và vừa	28
1.4.2 Kế toán sửa chữa lớn tài sản cố định trong doanh nghiệp nhỏ và vừa... ..	29
1.5. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào công tác kế toán tài sản cố định trong doanh nghiệp nhỏ và vừa.....	31

1.5.1. Đặc điểm kế toán tài sản cố định theo hình thức Nhật ký chung	31
1.5.2. Đặc điểm kế toán tài sản cố định theo theo hình thức Chứng từ ghi sổ ...	32
1.5.3. Đặc điểm kế toán tài sản cố định theo hình thức Nhật ký – Sổ cái	33
1.5.4. Đặc điểm kế toán tài sản cố định theo hình thức kế toán trên máy vi tính	34
CHƯƠNG 2 THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI ANH LỘC PHÁT - H68.....	36
2.1. Khái quát chung về Công ty TNHH thương mại và vận tải Anh Lộc Phát - H68.	36
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH thương mại và vận tải Anh Lộc Phát - H68.	36
2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH thương mại và vận tải Anh Lộc Phát - H68.	37
2.1.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty TNHH thương mại và vận tải Anh Lộc Phát - H68.	38
2.1.4. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán và chính sách kế toán áp dụng tại Công ty TNHH thương mại và vận tải Anh Lộc Phát - H68	40
2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán	40
2.1.4.2. Chế độ kế toán áp dụng tại doanh nghiệp.	42
2.1.4.3. Hệ thống sổ sách kế toán và hình thức kế toán áp dụng tại công ty.	43
2.1.4.4. Tổ chức lập và phân tích báo cáo kế toán.	44
2.2 Thực trạng công tác kế toán tài sản cố định tại Công ty TNHH thương mại và vận tải Anh Lộc Phát - H68.	44
2.2.1 Phân loại và đánh giá giá trị tài sản cố định tại công ty.....	44
2.2.2 Kế toán tăng giảm tài sản cố định tại Công ty TNHH thương mại và vận tải Anh Lộc Phát - H68	45
2.2.3. Kế toán khấu hao tài sản cố định tại Công ty TNHH thương mại và vận tải Anh Lộc Phát - H68	63
2.2.5 Kế toán sửa chữa tài sản cố định tại Công ty TNHH thương mại và vận tải Anh Lộc Phát - H68	68
CHƯƠNG 3 MỘT SỐ Ý KIẾN ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI ANH LỘC PHÁT - H68	75
3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán tại công ty.....	75
3.1.1 Ưu điểm.....	75

3.1.2 Hạn chế.....	77
3.2.Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán tài sản cố định tại Công ty TNHH thương mại và vận tải Anh Lộc Phát - H68.	78
3.2.1. Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện công tác kế toán tài sản cố định tại công ty	78
3.2.2. Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán tài sản cố định tại Công ty TNHH thương mại và vận tải Anh Lộc Phát - H68	79
KẾT LUẬN	89
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	90

LỜI NÓI ĐẦU

Tài sản cố định (TSCĐ) là một trong những bộ phận cơ bản tạo nên cơ sở vật chất kỹ thuật cho nền kinh tế quốc dân, đồng thời là bộ phận quan trọng quyết định sự sống còn của doanh nghiệp trong quá trình sản xuất kinh doanh. Đối với doanh nghiệp, tài sản cố định là điều kiện cần thiết để giảm hao phí sức lao động của con người, nâng cao năng suất lao động. Nó thể hiện cơ sở vật chất kỹ thuật, trình độ công nghệ, năng lực và thế mạnh của doanh nghiệp trong việc phát triển sản xuất kinh doanh. Trong nền kinh tế thị trường hiện nay thì tài sản cố định là yếu tố quan trọng để tạo nên sức mạnh cạnh tranh cho các doanh nghiệp.

Kế toán tài sản cố định là một khâu quan trọng trong bộ phận kế toán. Nó cung cấp toàn bộ nguồn số liệu đáng tin cậy về tình hình tài sản cố định hiện có của công ty và tình hình tăng giảm tài sản cố định.... Từ đó tăng cường biện pháp kiểm tra, quản lý chặt chẽ các tài sản cố định của công ty. Chính vì vậy, tổ chức công tác kế toán tài sản cố định luôn là sự quan tâm của các doanh nghiệp, cũng như các nhà quản lý kinh tế.

Trong thời gian thực tập tại Công ty TNHH thương mại và vận tải Anh Lộc Phát - H68, xuất phát từ ý nghĩa thực tiễn và cơ sở lý luận của công tác kế toán tài sản cố định, cùng với những kiến thức đã được các thầy, cô giáo trang bị cho em trong khoá học đặc biệt là sự hướng dẫn nhiệt tình của cô giáo ***Ths. Phạm Thị Nga*** và các cô chú Phòng kế toán Công ty đã giúp em thấy rõ được vai trò của kế toán tài sản cố định trong doanh nghiệp. Từ đó em đi sâu nghiên cứu tìm hiểu và mạnh dạn chọn đề tài: ***“Hoàn thiện công tác kế toán tài sản cố định tại Công ty TNHH thương mại và vận tải Anh Lộc Phát - H68”***

Nội dung của khóa luận gồm 3 chương:

Chương 1: Lý luận chung về công tác kế toán tài sản cố định trong doanh nghiệp nhỏ và vừa

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán tài sản cố định tại Công ty TNHH thương mại và vận tải Anh Lộc Phát - H68

Chương 3: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán tài sản cố định tại Công ty TNHH thương mại và vận tải Anh Lộc Phát - H68

Trong quá trình thực tập tại Công ty TNHH thương mại và vận tải Anh Lộc Phát - H68 mặc dù đã cố gắng hết sức, song do vốn hiểu biết còn hạn chế, thời gian tìm hiểu và học tập không dài, vì vậy khóa luận không tránh khỏi những thiếu sót. Kính mong nhận được sự góp ý của thầy cô và các bạn để bài viết của em được hoàn thiện hơn.

CHƯƠNG 1

LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TRONG DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA

1.1 Những vấn đề chung về kế toán tài sản cố định trong doanh nghiệp nhỏ và vừa.

1.1.1 Khái niệm, đặc điểm và tiêu chuẩn nhận biết tài sản cố định trong doanh nghiệp nhỏ và vừa.

1.1.1.1 Khái niệm và đặc điểm tài sản cố định

Để doanh nghiệp tiến hành hoạt động sản xuất, các doanh nghiệp cần phải có các yếu tố như: tư liệu lao động, đối tượng lao động, sức lao động. Tư liệu lao động phục vụ cho quá trình sản xuất sản phẩm của doanh nghiệp, chúng không những khác nhau về giá trị, giá trị sử dụng mà còn khác nhau về thời gian hoạt động. Để thuận lợi cho việc quản lý, bảo tồn và phát triển đối với tư liệu lao động có giá trị lớn và thời gian sử dụng lâu dài như: nhà cửa, vật kiến trúc, phương tiện vận tải, máy móc thiết bị...được xếp thành một nhóm riêng gọi là tài sản cố định (TSCĐ).

Như vậy, tài sản cố định hữu hình là những tư liệu lao động chủ yếu có hình thái vật chất thoả mãn các tiêu chuẩn của tài sản cố định hữu hình, tham gia vào nhiều chu kỳ kinh doanh nhưng vẫn giữ nguyên hình thái vật chất ban đầu

Tài sản cố định có những đặc điểm như sau:

- TSCĐ tham gia vào nhiều chu kỳ sản xuất kinh doanh mà không thay đổi hình thái vật chất ban đầu.

- Giá trị sử dụng và giá trị của TSCĐ bị giảm dần khi tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh do sự hao mòn và giá trị hao mòn được chuyển dịch từng phần vào giá trị sản phẩm sản xuất ra. Bộ phận giá trị chuyển dịch này cấu thành một yếu tố chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp được bồi đắp mỗi khi sản phẩm được tiêu thụ.

- Đối với TSCĐ vô hình, khi tham gia vào quá trình sản xuất kinh doanh cũng bị hao mòn do tiến bộ khoa học kỹ thuật và do hạn chế về pháp luật. Giá trị

của TSCĐ vô hình cũng được dịch chuyển dần từng phần vào chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

1.1.1.2 Tiêu chuẩn ghi nhận tài sản cố định

Theo thông tư 133/2016/TT-BTC về “*Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định*”:

a) Tài sản cố định hữu hình là những tài sản có hình thái vật chất do doanh nghiệp nắm giữ để sử dụng cho hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc hoạt động khác phù hợp với tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐ hữu hình.

Những tài sản hữu hình có kết cấu độc lập hoặc nhiều bộ phận tài sản riêng lẻ liên kết với nhau thành một hệ thống để cùng thực hiện một hay một số chức năng nhất định, nếu thiếu bất kỳ một bộ phận nào trong đó thì cả hệ thống không thể hoạt động được, nếu thỏa mãn đồng thời cả bốn tiêu chuẩn dưới đây thì được coi là tài sản cố định:

- Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó;
- Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách tin cậy;
- Có thời gian sử dụng từ 1 năm trở lên;
- Có giá trị theo quy định hiện hành.

Trường hợp một hệ thống gồm nhiều bộ phận tài sản riêng lẻ liên kết với nhau, trong đó mỗi bộ phận cấu thành có thời gian sử dụng khác nhau và nếu thiếu một bộ phận nào đó mà cả hệ thống vẫn thực hiện được chức năng hoạt động chính của nó nhưng do yêu cầu quản lý, sử dụng tài sản cố định đòi hỏi phải quản lý riêng từng bộ phận tài sản và mỗi bộ phận tài sản đó nếu cùng thỏa mãn đồng thời bốn tiêu chuẩn của tài sản cố định thì được coi là một tài sản cố định hữu hình độc lập.

Đối với súc vật làm việc hoặc cho sản phẩm, nếu từng con súc vật thỏa mãn đồng thời bốn tiêu chuẩn của tài sản cố định đều được coi là một tài sản cố định hữu hình.

Đối với vườn cây lâu năm, nếu từng mảnh vườn cây, hoặc cây thỏa mãn đồng thời bốn tiêu chuẩn của tài sản cố định thì cũng được coi là một tài sản cố định hữu hình.

b) TSCĐ vô hình là những tài sản không có hình thái vật chất nhưng xác định được giá trị, do doanh nghiệp nắm giữ sử dụng trong sản xuất, kinh doanh, cung cấp dịch vụ hoặc cho các đối tượng khác thuê và phù hợp với tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐ vô hình.

Khi một tài sản vô hình được thỏa mãn đồng thời 4 tiêu chuẩn quy định tại điểm a nêu trên thì được coi là TSCĐVH.

c) TSCĐ thuê tài chính

- Thuê tài chính: Là hình thức thuê tài sản mà bên cho thuê có sự chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên thuê. Quyền sở hữu tài sản có thể chuyển giao vào cuối thời hạn thuê.

- Các trường hợp thường dẫn đến hợp đồng thuê tài chính là:

+ Bên cho thuê chuyển giao quyền sở hữu tài sản cho bên thuê khi hết thời hạn thuê;

+ Tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản, bên thuê có quyền lựa chọn mua lại tài sản thuê với mức giá ước tính thấp hơn giá trị hợp lý vào cuối thời hạn thuê;

+ Thời hạn thuê tài sản tối thiểu phải chiếm phần lớn thời gian sử dụng kinh tế của tài sản cho dù không có sự chuyển giao quyền sở hữu;

+ Tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản, giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu chiếm phần lớn (tương đương) giá trị hợp lý của tài sản thuê;

+ Tài sản thuê thuộc loại chuyên dùng mà chỉ có bên thuê có khả năng sử dụng không cần có sự thay đổi, sửa chữa lớn nào.

- Hợp đồng thuê tài sản được coi là hợp đồng thuê tài chính nếu thỏa mãn ít nhất một trong ba (3) điều kiện sau:

+ Nếu bên thuê hủy hợp đồng và đền bù tổn thất phát sinh liên quan đến việc hủy hợp đồng cho bên cho thuê;

+ Thu nhập hoặc tổn thất do sự thay đổi giá trị hợp lý của giá trị còn lại của tài sản thuê gắn với bên thuê;

+ Bên thuê có khả năng tiếp tục thuê lại tài sản sau khi hết hạn hợp đồng thuê với tiền thuê thấp hơn giá thuê thị trường. Riêng trường hợp thuê tài sản là quyền sử dụng đất thì thường được phân loại là thuê hoạt động.

- TSCĐ thuê tài chính là những TSCĐ chưa thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp nhưng doanh nghiệp có nghĩa vụ và trách nhiệm quản lý và sử dụng như tài sản của doanh nghiệp.

1.1.2 Phân loại và đánh giá tài sản cố định trong doanh nghiệp nhỏ và vừa

1.1.2.1 Phân loại tài sản cố định

Do tài sản cố định trong doanh nghiệp có nhiều loại với nhiều hình thái biểu hiện, tính chất đầu tư, công dụng và tình hình sử dụng khác nhau...nên để thuận lợi cho việc quản lý và hạch toán tài sản cố định cần sắp xếp tài sản cố định vào từng nhóm theo từng đặc trưng nhất định. Sự sắp xếp này tạo điều kiện thuận lợi cho việc khai thác tối đa công dụng của tài sản cố định và phục vụ tốt cho công tác thống kê tài sản cố định.

Tài sản cố định có thể được phân theo nhiều tiêu thức khác nhau, như theo hình thái biểu hiện, theo nguồn hình thành, theo công dụng và tình hình sử dụng... Mỗi một cách phân loại sẽ đáp ứng được những nhu cầu quản lý nhất định cụ thể.

- **Phân loại tài sản cố định theo hình thái biểu hiện**

Căn cứ vào hình thái biểu hiện thì tài sản cố định trong doanh nghiệp được phân thành 2 loại: tài sản cố định mang hình thái vật chất (hay tài sản cố định hữu hình) và tài sản cố định không có hình thái vật chất (hay tài sản cố định vô hình).

❖ **Tài sản cố định hữu hình:** Là những tư liệu lao động chủ yếu có hình thái vật chất cụ thể, có giá trị lớn và thời gian sử dụng lâu dài, tham gia vào nhiều chu kỳ sản xuất kinh doanh nhưng vẫn giữ nguyên hình thái vật chất ban đầu. Thuộc về loại này gồm có:

- **Nhà cửa, vật kiến trúc:** là tài sản cố định của doanh nghiệp được hình thành sau quá trình thi công xây dựng như trụ sở làm việc, nhà kho, hàng rào, tháp

nước, sân bãi, các công trình trang trí cho nhà cửa, đường xá, cầu cống, đường sắt, đường băng sân bay, cầu tàu, cầu cảng, ụ triền đà.

- *Máy móc, thiết bị*: là toàn bộ các loại máy móc, thiết bị dùng trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp như máy móc chuyên dùng, thiết bị công tác, giàn khoan trong lĩnh vực dầu khí, cần cẩu, dây truyền công nghệ, những máy móc đơn lẻ.

- *Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn*: là các loại phương tiện vận tải gồm phương tiện vận tải đường sắt, đường thủy, đường bộ, đường không, đường ống và các thiết bị truyền dẫn như hệ thống thông tin, hệ thống điện, đường ống nước, băng tải.

- *Thiết bị, dụng cụ quản lý*: là những thiết bị, dụng cụ dùng trong công tác quản lý hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp như máy vi tính phục vụ quản lý, thiết bị điện tử, thiết bị, dụng cụ đo lường, kiểm tra chất lượng, máy hút ẩm, hút bụi, chống mối mọt.

- *Vườn cây lâu năm, súc vật làm việc và/hoặc cho sản phẩm*: là các vườn cây lâu năm như vườn cà phê, vườn chè, vườn cao su, vườn cây ăn quả, thảm cỏ, thảm cây xanh...; súc vật làm việc và/ hoặc cho sản phẩm như đàn voi, đàn ngựa, đàn trâu, đàn bò...

- *Các loại tài sản cố định khác*: là toàn bộ các tài sản cố định khác chưa liệt kê vào năm loại trên như tranh ảnh, tác phẩm nghệ thuật.

Tài sản cố định vô hình: Là những tài sản cố định không có hình thái vật chất, thể hiện một lượng giá trị đã được đầu tư có liên quan trực tiếp đến nhiều chu kỳ kinh doanh của doanh nghiệp. Thuộc về tài sản cố định vô hình gồm có:

- *Quyền sử dụng đất*: Chỉ phản ánh vào tài khoản này quyền sử dụng đất được coi là tài sản cố định vô hình theo quy định của pháp luật. Giá trị tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất gồm toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra liên quan trực tiếp tới quyền sử dụng đất, như: Tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng (trường hợp quyền sử dụng đất riêng biệt đối với giai đoạn đầu tư nhà cửa, vật kiến trúc trên đất), lệ

phí trước bạ (nếu có)... Tài khoản này không bao gồm các chi phí chi ra để xây dựng các công trình trên đất.

- *Quyền phát hành*: Phản ánh giá trị tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí thực tế doanh nghiệp đã chi ra để có quyền phát hành.

- *Bản quyền, bằng sáng chế*: Phản ánh giá trị tài sản cố định vô hình là các chi phí thực tế chi ra để có bản quyền tác giả, bằng sáng chế.

- *Nhãn hiệu, tên thương mại*: Phản ánh giá trị tài sản cố định vô hình là các chi phí thực tế liên quan trực tiếp tới việc mua nhãn hiệu hàng hoá.

- *Phần mềm máy vi tính*: Phản ánh giá trị tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí thực tế doanh nghiệp đã chi ra để có chương trình phần mềm.

- *Giấy phép và giấy phép nhượng quyền*: Phản ánh giá trị tài sản cố định vô hình là các khoản chi ra để doanh nghiệp có được giấy phép hoặc giấy phép nhượng quyền thực hiện công việc đó, như: Giấy phép khai thác, giấy phép sản xuất loại sản phẩm mới,...

- *Tài sản cố định vô hình khác*: Phản ánh giá trị các loại tài sản cố định vô hình khác chưa quy định phản ánh ở các tài khoản trên.

Việc phân loại tài sản cố định theo tiêu thức này tạo điều kiện thuận lợi cho người tổ chức hạch toán tài sản cố định, sử dụng tài khoản kế toán một cách phù hợp và khai thác triệt để tính năng kỹ thuật của tài sản cố định.

• ***Phân loại tài sản cố định theo nguồn hình thành***

Theo cách phân loại này, tài sản cố định được phân chia thành 2 loại cơ bản là tài sản cố định tự có và tài sản cố định thuê ngoài.

* ***Tài sản cố định tự có***: Là những tài sản cố định xây dựng, mua sắm, hoặc chế tạo bằng nguồn vốn của doanh nghiệp, do ngân sách Nhà nước cấp, do đi vay của ngân hàng, bằng nguồn vốn tự bổ sung, nguồn vốn liên doanh...

* ***Tài sản cố định đi thuê*** :

Tài sản cố định đi thuê gồm 2 loại sau:

- ***Tài sản cố định thuê hoạt động***: là những tài sản cố định doanh nghiệp đi thuê của các đơn vị khác để sử dụng trong một khoảng thời gian nhất định theo hợp đồng kí kết.

- *Tài sản cố định thuê tài chính*: Là những tài sản cố định doanh nghiệp thuê của công ty cho thuê tài chính, nếu hợp đồng thuê thỏa mãn ít nhất 1 trong 4 điều sau:

+ Khi kết thúc thời hạn cho thuê hợp đồng, bên thuê được nhận quyền sở hữu tài sản thuê hoặc được tiếp tục thuê theo sự thỏa thuận.

+ Thời hạn thuê một tài sản ít nhất phải chiếm phần lớn thời gian hữu dụng của tài sản.

+ Tổng số tiền thuê tài sản phải trả ít nhất phải tương đương với giá trị tài sản đó trên thị trường vào thời điểm kí hợp đồng.

+ Khi kết thúc thời hạn thuê bên thuê được quyền lựa chọn mua tài sản thuê theo giá danh nghĩa thấp hơn giá trị thực tế của tài sản thuê tại thời điểm hiện mua lại.

Việc phân loại tài sản cố định theo tiêu thức này phản ánh chính xác tỷ trọng tài sản cố định thuộc sở hữu của doanh nghiệp và tỷ trọng tài sản cố định thuộc quyền quản lý và sử dụng của doanh nghiệp đến những đối tượng quan tâm. Bên cạnh đó cũng xác định rõ trách nhiệm của doanh nghiệp đối với từng loại tài sản cố định.

• ***Phân loại tài sản cố định theo công dụng kinh tế***

Theo tiêu thức này, tài sản cố định được phân chia thành 4 loại cơ bản sau:

- *Tài sản cố định dùng trong sản xuất kinh doanh*: Là những tài sản cố định đang thực tế sử dụng trong các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Những tài sản cố định này bắt buộc phải trích khấu hao tính vào chi phí sản xuất kinh doanh.

- *Tài sản cố định bảo quản hộ, cất giữ hộ Nhà nước*: Bao gồm những tài sản cố định doanh nghiệp bảo quản hộ, giữ hộ cho đơn vị khác hoặc cất hộ Nhà nước theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

- *Tài sản cố định chờ xử lý*: Bao gồm các tài sản cố định không cần dùng, chưa cần dùng vì thừa so với nhu cầu sử dụng hoặc không thích hợp với sự đổi mới quy trình công nghệ, bị hư hỏng chờ thanh lý, tài sản cố định tranh chấp chờ giải quyết, những tài sản cố định này cần xử lý nhanh chóng để thu hồi vốn sử dụng cho việc đầu tư đổi mới tài sản cố định.

- Tài sản cố định dùng cho mục đích phúc lợi, sự nghiệp, an ninh, quốc phòng: Là những tài sản cố định do doanh nghiệp quản lý sử dụng cho các hoạt động phúc lợi, sự nghiệp, an ninh quốc phòng trong doanh nghiệp.

1.1.2.2 Đánh giá giá trị tài sản cố định

Việc đánh giá TSCĐ trong doanh nghiệp là vô cùng quan trọng vì nó là cơ sở để hạch toán TSCĐ, tính và phân bổ khấu hao một cách chính xác. Đánh giá TSCĐ là việc xác định giá trị ghi sổ của TSCĐ. Tài sản cố định được đánh giá theo các chỉ tiêu: nguyên giá, giá trị hao mòn và giá trị còn lại của TSCĐ.

a) Nguyên giá:

Nguyên giá của TSCĐ là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản đó và đưa TSCĐ đó vào tư thế sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá TSCĐ được xác định theo nguyên tắc giá phí, nghĩa là nguyên giá TSCĐ bao gồm toàn bộ chi phí liên quan đến việc mua hoặc xây dựng, chế tạo TSCĐ kể cả chi phí vận chuyển, lắp đặt chạy thử và các chi phí hợp lý cần thiết khác trước khi sử dụng tài sản.

Nguyên giá TSCĐ được xác định cho từng đối tượng ghi TSCĐ là từng đơn vị tài sản có kết cấu độc lập hoặc là một hệ thống gồm nhiều bộ phận tài sản liên kết với nhau để thực hiện một số chức năng nhất định.

❖ Với tài sản cố định hữu hình:

a) Nguyên giá TSCĐ hữu hình do mua sắm bao gồm: Giá mua (trừ các khoản được chiết khấu thương mại, giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng như chi phí chuẩn bị mặt bằng, chi phí vận chuyển và bốc xếp ban đầu, chi phí lắp đặt, chạy thử (trừ (-) các khoản thu hồi về sản phẩm, phế liệu do chạy thử), chi phí chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác. Chi phí lãi vay phát sinh khi mua sắm TSCĐ đã hoàn thiện (TSCĐ sử dụng được ngay mà không cần qua quá trình lắp đặt, chạy thử đầu tư xây dựng) không được vốn hóa vào nguyên giá TSCĐ.

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình mua sắm được thanh toán theo phương thức trả chậm: Là giá mua trả tiền ngay tại thời điểm mua cộng các chi phí liên quan trực

tiếp tính đến thời điểm đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại). Khoản chênh lệch giữa giá mua trả chậm và giá mua trả tiền ngay được phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh theo kỳ hạn thanh toán.

- Nguyên giá TSCĐ là bất động sản: Khi mua sắm bất động sản, đơn vị phải tách riêng giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất theo quy định của pháp luật. Phần giá trị tài sản trên đất được ghi nhận là TSCĐ hữu hình; Giá trị quyền sử dụng đất được hạch toán là TSCĐ vô hình hoặc chi phí trả trước tùy từng trường hợp theo quy định của pháp luật.

b) Nguyên giá TSCĐ hữu hình hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành

- Nguyên giá TSCĐ theo phương thức giao thầu: Là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy định, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Đối với tài sản cố định là con súc vật làm việc hoặc cho sản phẩm, vườn cây lâu năm thì nguyên giá là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra cho con súc vật, vườn cây đó từ lúc hình thành cho tới khi đưa vào khai thác, sử dụng và các chi phí khác trực tiếp có liên quan.

- TSCĐ hữu hình tự xây dựng hoặc tự sản xuất:

Nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng là giá trị quyết toán công trình khi đưa vào sử dụng. Trường hợp TSCĐ đã đưa vào sử dụng nhưng chưa thực hiện quyết toán thì doanh nghiệp căn cứ vào chi phí đầu tư xây dựng thực tế để hạch toán tăng nguyên giá TSCĐ theo giá tạm tính. Sau khi quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản được duyệt, nếu có chênh lệch so với giá trị TSCĐ đã tạm tính thì kế toán điều chỉnh tăng, giảm vào nguyên giá TSCĐ.

Nguyên giá TSCĐ hữu hình tự sản xuất là giá thành thực tế của TSCĐ hữu hình cộng (+) các chi phí trực tiếp liên quan đến việc đưa TSCĐ vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Trong cả hai trường hợp trên, nguyên giá TSCĐ bao gồm cả chi phí lắp đặt, chạy thử trừ giá trị sản phẩm thu hồi trong quá trình chạy thử, sản xuất thử. Doanh nghiệp không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình các khoản lãi

nội bộ và các khoản chi phí không hợp lý như nguyên liệu, vật liệu lãng phí, lao động hoặc các khoản chi phí khác sử dụng vượt quá mức bình thường trong quá trình tự xây dựng hoặc tự sản xuất.

c) Nguyên giá TSCĐ hữu hình mua dưới hình thức trao đổi với một TSCĐ hữu hình không tương tự hoặc tài sản khác, được xác định theo giá trị hợp lý của TSCĐ hữu hình nhận về hoặc giá trị hợp lý của tài sản đem trao đổi, sau khi điều chỉnh các khoản tiền hoặc tương đương tiền trả thêm hoặc thu về cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại).

Nguyên giá TSCĐ hữu hình mua dưới hình thức trao đổi với một TSCĐ hữu hình tương tự, hoặc có thể hình thành do được bán để đổi lấy quyền sở hữu một tài sản tương tự (tài sản tương tự là tài sản có công dụng tương tự, trong cùng lĩnh vực kinh doanh và có giá trị tương đương). Trong trường hợp này không có bất kỳ khoản lãi hay lỗ nào được ghi nhận trong quá trình trao đổi. Nguyên giá TSCĐ nhận về được tính bằng giá trị còn lại của TSCĐ đem trao đổi.

d) Nguyên giá TSCĐ hữu hình được cấp, được điều chuyển đến bao gồm: Giá trị còn lại trên sổ kế toán tài sản cố định ở doanh nghiệp cấp, doanh nghiệp điều chuyển hoặc giá trị theo đánh giá thực tế của Hội đồng giao nhận hoặc tổ chức định giá chuyên nghiệp theo quy định của pháp luật và các chi phí liên quan trực tiếp như vận chuyển, bốc dỡ, chi phí nâng cấp, lắp đặt, chạy thử, lệ phí trước bạ (nếu có)... mà bên nhận tài sản phải chi ra tính đến thời điểm đưa TSCĐ vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

đ) Nguyên giá tài sản cố định hữu hình nhận góp vốn, nhận lại vốn góp là giá trị do các thành viên, cổ đông sáng lập định giá nhất trí hoặc doanh nghiệp và người góp vốn thỏa thuận hoặc do tổ chức chuyên nghiệp định giá theo quy định của pháp luật và được các thành viên, cổ đông sáng lập chấp thuận.

e) Nguyên giá tài sản cố định do phát hiện thừa, được tài trợ, biếu, tặng: Là giá trị theo đánh giá thực tế của Hội đồng giao nhận hoặc tổ chức định giá chuyên nghiệp; Các chi phí mà bên nhận phải chi ra tính đến thời điểm đưa

TSCĐ vào trạng thái sẵn sàng sử dụng như: Chi phí vận chuyển, bốc dỡ, lắp đặt, chạy thử, lệ phí trước bạ (nếu có).

❖ Tài sản cố định thuê tài chính

+ Nguyên giá của TSCĐ thuê tài chính được ghi nhận bằng giá trị hợp lý của tài sản thuê hoặc là giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính. Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ thì giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu không bao gồm số thuế GTGT phải trả cho bên cho thuê.

Khi tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản, doanh nghiệp có thể sử dụng tỷ lệ lãi suất ngầm định, tỷ lệ lãi suất được ghi trong hợp đồng thuê hoặc tỷ lệ lãi suất biên đi vay của bên thuê.

+ Số thuế GTGT đầu vào của tài sản thuê tài chính không được khấu trừ được hạch toán như sau:

- Nếu thuế GTGT đầu vào được thanh toán một lần ngay tại thời điểm ghi nhận tài sản thuê thì nguyên giá tài sản thuê bao gồm cả thuế GTGT;

- Nếu thuế GTGT đầu vào được thanh toán từng kỳ thì được ghi vào chi phí SXKD trong kỳ phù hợp với khoản mục chi phí khấu hao của tài sản thuê tài chính.

+ Khoản nợ thuê tài chính phản ánh trên TK 341 không bao gồm thuế GTGT đầu vào.

+ Không phản ánh vào tài khoản này giá trị của TSCĐ thuê hoạt động.

❖ Tài sản cố định vô hình:

Nguyên giá của TSCĐ vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được TSCĐ vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

+ Nguyên giá của TSCĐ vô hình do mua sắm trả tiền ngay, mua dưới hình thức thanh toán trả chậm, trả góp, mua dưới hình thức trao đổi, TSCĐ vô hình

được cho, được biếu, tặng, nhận vốn góp liên doanh, nhận lại vốn góp, do phát hiện thừa.... được xác định tương tự TSCĐ hữu hình.

+ TSCĐ vô hình hình thành từ việc trao đổi, thanh toán bằng chứng từ liên quan đến quyền sở hữu vốn của đơn vị, thì nguyên giá TSCĐ của nó là giá trị hợp lý của các công cụ được phát hành liên quan đến quyền sở hữu vốn của đơn vị.

+ Nguyên giá TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất là số tiền đã trả để có được quyền sử dụng đất hợp pháp (gồm chi phí đã trả cho tổ chức, cá nhân chuyển nhượng hoặc chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ...) hoặc theo thỏa thuận của các bên khi góp vốn. Việc xác định TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất phải tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan.

+ Đối với chi phí thực tế phát sinh liên quan đến giai đoạn triển khai TSCĐ vô hình: Trường hợp xét thấy kết quả triển khai thỏa mãn được định nghĩa và tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐ vô hình thì các chi phí giai đoạn triển khai được tập hợp vào TK 241 "Xây dựng cơ bản dở dang" (2412). Khi kết thúc giai đoạn triển khai các chi phí hình thành nguyên giá TSCĐ vô hình trong giai đoạn triển khai phải được kết chuyển vào bên Nợ tài khoản 2113 "TSCĐ vô hình", nếu không đủ điều kiện ghi nhận là TSCĐ vô hình thì toàn bộ chi phí thực tế phát sinh được kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ hoặc được phân bổ theo quy định của pháp luật.

+ Chi phí phát sinh đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho doanh nghiệp gồm: chi phí thành lập doanh nghiệp, chi phí đào tạo nhân viên, chi phí quảng cáo phát sinh trong giai đoạn trước hoạt động của doanh nghiệp mới thành lập, chi phí chuyển dịch địa điểm được ghi nhận là chi phí SXKD trong kỳ theo quy định hiện hành.

+ Chi phí liên quan đến tài sản vô hình đã được doanh nghiệp ghi nhận là chi phí để xác định kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ trước đó thì không được tái ghi nhận vào nguyên giá TSCĐ vô hình.

+ Các nhãn hiệu, tên thương mại, quyền phát hành, danh sách khách hàng và các khoản mục tương tự được hình thành trong nội bộ doanh nghiệp không được ghi nhận là TSCĐ vô hình.

+ Chi phí liên quan đến TSCĐ vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện sau thì được ghi tăng nguyên giá TSCĐ vô hình:

- Chi phí phát sinh có khả năng làm cho TSCĐ tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu;

- Chi phí được xác định một cách chắc chắn và gắn liền với TSCĐ vô hình cụ thể.

Riêng đối với chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu liên quan đến các tài sản mua ngoài là nhãn hiệu hàng hóa, quyền phát hành, danh sách khách hàng và các khoản mục tương tự về bản chất luôn được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

b) Giá trị còn lại:

Trong quá trình sử dụng TSCĐ, giá trị của nó bị hao mòn dần và được tính vào chi phí SXKD trong kỳ, do đó giá trị của TSCĐ sẽ bị giảm dần. Vì vậy, yêu cầu quản lý và sử dụng đặt ra là cần xác định giá trị còn lại của TSCĐ để từ đó đánh giá được năng lực sản xuất thực của TSCĐ trong doanh nghiệp.

$$\text{Giá trị còn lại} = \text{Nguyên giá TSCĐ} - \text{Hao mòn lũy kế}$$

Thông thường giá trị còn lại của TSCĐ sau khi đánh giá lại được điều chỉnh theo công thức:

$$\begin{array}{l} \text{Giá trị còn lại của TSCĐ} \\ \text{sau khi đánh giá lại} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá trị còn lại} \\ \text{TSCĐ trước} \\ \text{khi đánh giá} \\ \text{lại} \end{array} \times \frac{\begin{array}{l} \text{NG TSCĐ sau khi đánh} \\ \text{giá lại} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{NG TSCĐ trước khi} \\ \text{đánh giá lại} \end{array}}$$

Đánh giá TSCĐ theo giá trị còn lại giúp doanh nghiệp xác định được số vốn chưa thu hồi của TSCĐ, biết được hiện trạng của TSCĐ là cũ hay mới để có phương hướng đầu tư và có biện pháp để bảo toàn được vốn cố định.

1.1.3 Nguyên tắc quản lý và nhiệm vụ của kế toán tài sản cố định trong doanh nghiệp nhỏ và vừa.

1.1.3.1 Nguyên tắc quản lý TSCĐ trong doanh nghiệp

+ Mỗi TSCĐ phải được quản lý theo nguyên giá, số hao mòn lũy kế và giá trị còn lại trên sổ sách kế toán:

$$\begin{array}{rcccl} \text{Giá trị còn lại trên sổ} & & \text{Nguyên giá của} & & \text{Số hao mòn lũy} \\ \text{kế toán của TSCĐ} & = & \text{TSCĐ} & - & \text{kế của TSCĐ} \end{array}$$

+ Đối với những TSCĐ không cần dùng, chờ thanh lý nhưng chưa hết khấu hao, doanh nghiệp phải thực hiện quản lý, theo dõi, bảo quản theo quy định hiện hành và trích khấu hao theo quy định tại Thông tư 133.

+ Doanh nghiệp phải thực hiện việc quản lý đối với những TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn tham gia vào hoạt động kinh doanh như những TSCĐ thông thường.

+ TSCĐ phải được theo dõi chi tiết cho từng đối tượng ghi TSCĐ, theo từng loại TSCĐ và địa điểm bảo quản, sử dụng, quản lý TSCĐ trên “Sổ Tài sản cố định”, cụ thể:

- TSCĐ hữu hình, gồm: Nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc, thiết bị, phương tiện truyền tải, truyền dẫn, thiết bị dụng cụ quản lý, cây lâu năm, súc vật làm việc và cho sản phẩm, các TSCĐ hữu hình khác.

- TSCĐ vô hình, gồm: Quyền phát hành; Bản quyền, bằng sáng chế; Nhãn hiệu hàng hóa; Phần mềm máy tính; Giấy phép và giấy phép nhượng quyền; TSCĐ vô hình khác.

+ Tài sản cố định của doanh nghiệp giảm, do nhượng bán, thanh lý, mất mát, phát hiện thiếu khi kiểm kê, điều chuyển cho doanh nghiệp khác, tháo dỡ một hoặc một số bộ phận... Trong mọi trường hợp giảm TSCĐ, kế toán phải làm đầy đủ thủ tục, xác định đúng những khoản thiệt hại và thu nhập (nếu có). Căn cứ các chứng từ liên quan, kế toán ghi sổ theo từng trường hợp cụ thể như sau:

- Trường hợp nhượng bán TSCĐ dùng vào sản xuất, kinh doanh: TSCĐ nhượng bán thường là những TSCĐ không cần dùng hoặc xét thấy sử dụng

không có hiệu quả. Khi nhượng bán TSCĐ phải làm đầy đủ các thủ tục cần thiết theo quy định của pháp luật.

- TSCĐ thanh lý là những TSCĐ hư hỏng không thể tiếp tục sử dụng được, những TSCĐ lạc hậu về kỹ thuật hoặc không phù hợp với yêu cầu sản xuất, kinh doanh. Khi có TSCĐ thanh lý, doanh nghiệp phải ra quyết định thanh lý, thành lập Hội đồng thanh lý TSCĐ. Hội đồng thanh lý TSCĐ có nhiệm vụ tổ chức thực hiện việc thanh lý TSCĐ theo đúng trình tự, thủ tục quy định và lập "Biên bản thanh lý TSCĐ".

Căn cứ vào Biên bản thanh lý và các chứng từ có liên quan đến các khoản thu, chi thanh lý TSCĐ,... kế toán ghi sổ như trường hợp nhượng bán TSCĐ.

+ Mọi trường hợp phát hiện thừa hoặc thiếu TSCĐ đều phải truy tìm nguyên nhân. Căn cứ vào "Biên bản kiểm kê TSCĐ" và kết luận của Hội đồng kiểm kê để hạch toán chính xác, kịp thời, theo từng nguyên nhân cụ thể:

a) TSCĐ phát hiện thừa:

- Nếu TSCĐ phát hiện thừa do để ngoài sổ sách (chưa ghi sổ), kế toán phải căn cứ vào hồ sơ TSCĐ để ghi tăng TSCĐ theo từng trường hợp cụ thể.

- Nếu TSCĐ phát hiện thừa được xác định là TSCĐ của doanh nghiệp khác thì phải báo ngay cho doanh nghiệp chủ tài sản đó biết. Trong thời gian chờ xử lý, kế toán phải căn cứ vào tài liệu kiểm kê, tạm thời theo dõi và giữ hộ.

- Nếu TSCĐ thừa không xác định được chủ sở hữu thì ghi tăng thu nhập khác theo giá trị hợp lý của tài sản.

b) TSCĐ phát hiện thiếu phải được truy cứu nguyên nhân, xác định người chịu trách nhiệm và xử lý theo quy định.

Căn cứ "Biên bản xử lý TSCĐ thiếu" đã được duyệt và hồ sơ TSCĐ, kế toán phải xác định nguyên giá, giá trị hao mòn của TSCĐ đó làm căn cứ ghi giảm TSCĐ và xử lý vật chất phần giá trị còn lại của TSCĐ. Tùy thuộc vào quyết định xử lý để hạch toán vào các tài khoản có liên quan.

1.1.3.2 Nhiệm vụ của kế toán tài sản cố định

- Tổ chức ghi chép, phản ánh chính xác, kịp thời, đầy đủ số hiện có và hình hình tăng, giảm TSCĐ của toàn doanh nghiệp cũng như của từng bộ phận trên

các mặt số lượng, cơ cấu, giá trị, đồng thời kiểm soát chặt chẽ việc bảo quản, bảo dưỡng, sử dụng TSCĐ ở các bộ phận khác nhau nhằm nâng cao hiệu suất sử dụng TSCĐ.

- Tính toán chính xác, kịp thời số khấu hao TSCĐ, đồng thời phân bổ đúng đắn chi phí khấu hao vào các đối tượng sử dụng TSCĐ.

- Phản ánh và kiểm soát chặt chẽ các khoản chi phí sửa chữa TSCĐ. Tham gia lập dự toán về chi phí sửa chữa và đôn đốc đưa TSCĐ được sửa chữa vào sử dụng một cách nhanh chóng.

- Theo dõi, ghi chép, kiểm tra chặt chẽ quá trình thanh lý, nhượng bán TSCĐ nhằm bảo đảm việc quản lý và sử dụng vốn đúng mục đích.

- Lập các báo cáo về TSCĐ, tham gia phân tích tình hình trang bị, sử dụng, bảo quản các TSCĐ.

1.2 Nội dung công tác kế toán tài sản cố định trong doanh nghiệp nhỏ và vừa.

1.2.1 Kế toán chi tiết tài sản cố định trong doanh nghiệp

Kế toán chi tiết tài sản cố định được thực hiện cho từng tài sản cố định, từng nhóm tài sản cố định theo nơi sử dụng tài sản cố định. Yêu cầu quản lý tài sản cố định của doanh nghiệp đòi hỏi phải có kế toán chi tiết tài sản cố định. Đây là khâu quan trọng và phức tạp nhất trong toàn bộ công tác kế toán tài sản cố định. Thông qua kế toán chi tiết tài sản cố định, kế toán sẽ cung cấp những chỉ tiêu quan trọng về cơ cấu tài sản cố định, tình hình phân bổ tài sản cố định theo địa điểm sử dụng cũng như tình hình bảo quản và sử dụng tài sản cố định. Phân bổ chính xác tài sản cố định, nâng cao trách nhiệm vật chất trong bảo quản và sử dụng tài sản cố định. Nội dung chính của kế toán chi tiết tài sản cố định bao gồm:

- Lập và thu thập các chứng từ ban đầu liên quan đến tài sản cố định trong doanh nghiệp: Hóa đơn GTGT, Biên bản giao nhận tài sản cố định, Biên bản thanh lý tài sản cố định, Biên bản đánh giá lại tài sản cố định,...

- Tổ chức kế toán chi tiết tài sản cố định ở bộ phận kế toán: Kế toán chi tiết tài sản cố định được thực hiện ở thẻ tài sản cố định. Thẻ tài sản cố định do phòng kế toán lập khi tài sản cố định bắt đầu xuất hiện tại doanh nghiệp. Thẻ

được lập cho từng loại tài sản cố định và được lưu ở phòng kế toán. Căn cứ lập thẻ tài sản cố định gồm: bộ hồ sơ tài sản cố định, biên bản giao nhận tài sản cố định, biên bản đánh giá lại tài sản cố định, biên bản thanh lý tài sản cố định,..

- Tổ chức kế toán chi tiết tài sản cố định ở các đơn vị, bộ phận quản lý sử dụng: Để theo dõi địa điểm đặt tài sản cố định, tình hình tăng giảm tài sản cố định do từng đơn vị, bộ phận phân xưởng hoặc phòng ban mỗi đơn vị sử dụng phải mở một sổ riêng – Sổ tài sản cố định trong đó ghi tài sản cố định tăng, giảm của đơn vị mình theo từng chứng từ, tăng, giảm tài sản cố định theo trình tự thời gian phát sinh. Căn cứ để ghi sổ là các chứng từ tăng, giảm tài sản cố định.

1.2.2 Kế toán tổng hợp tăng, giảm tài sản cố định trong doanh nghiệp nhỏ và vừa.

1.2.2.1 Chứng từ sử dụng

Những chứng từ mà doanh nghiệp sử dụng trong hạch toán tài sản cố định gồm:

- Biên bản giao nhận tài sản cố định
- Biên bản thanh lý tài sản cố định
- Biên bản đánh giá lại tài sản cố định
- Các chứng từ liên quan khác:
 - + Bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định
 - + Các hợp đồng, hóa đơn mua- bán, các chứng từ, tài liệu kỹ thuật có liên quan khác, các hồ sơ đầu tư tài sản cố định (nếu có)...

1.2.2.2 Tài khoản sử dụng

Tài khoản 211: “Tài sản cố định”

Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị hiện có và tình hình biến động tăng, giảm toàn bộ tài sản cố định của doanh nghiệp theo nguyên giá,

Bên Nợ:

- Nguyên giá của tài sản cố định tăng do mua sắm, do trao đổi tài sản cố định, do XDCB hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng, do các đơn vị tham gia liên doanh góp vốn, do được tặng biếu, viện trợ...

- Điều chỉnh tăng nguyên giá của tài sản cố định do xây lắp, trang bị thêm hoặc do cải tạo nâng cấp, do đánh giá lại.

Bên Có:

- Nguyên giá của tài sản cố định giảm do điều chuyển cho đơn vị khác, do đem đi trao đổi để lấy tài sản cố định, do nhượng bán, thanh lý hoặc đem đi góp vốn vào đơn vị khác ...

- Nguyên giá của tài sản cố định giảm do tháo bớt một hoặc một số bộ phận do đánh giá lại giảm nguyên giá.

Số dư bên Nợ:

Nguyên giá TSCĐ hiện có cuối kỳ ở doanh nghiệp.

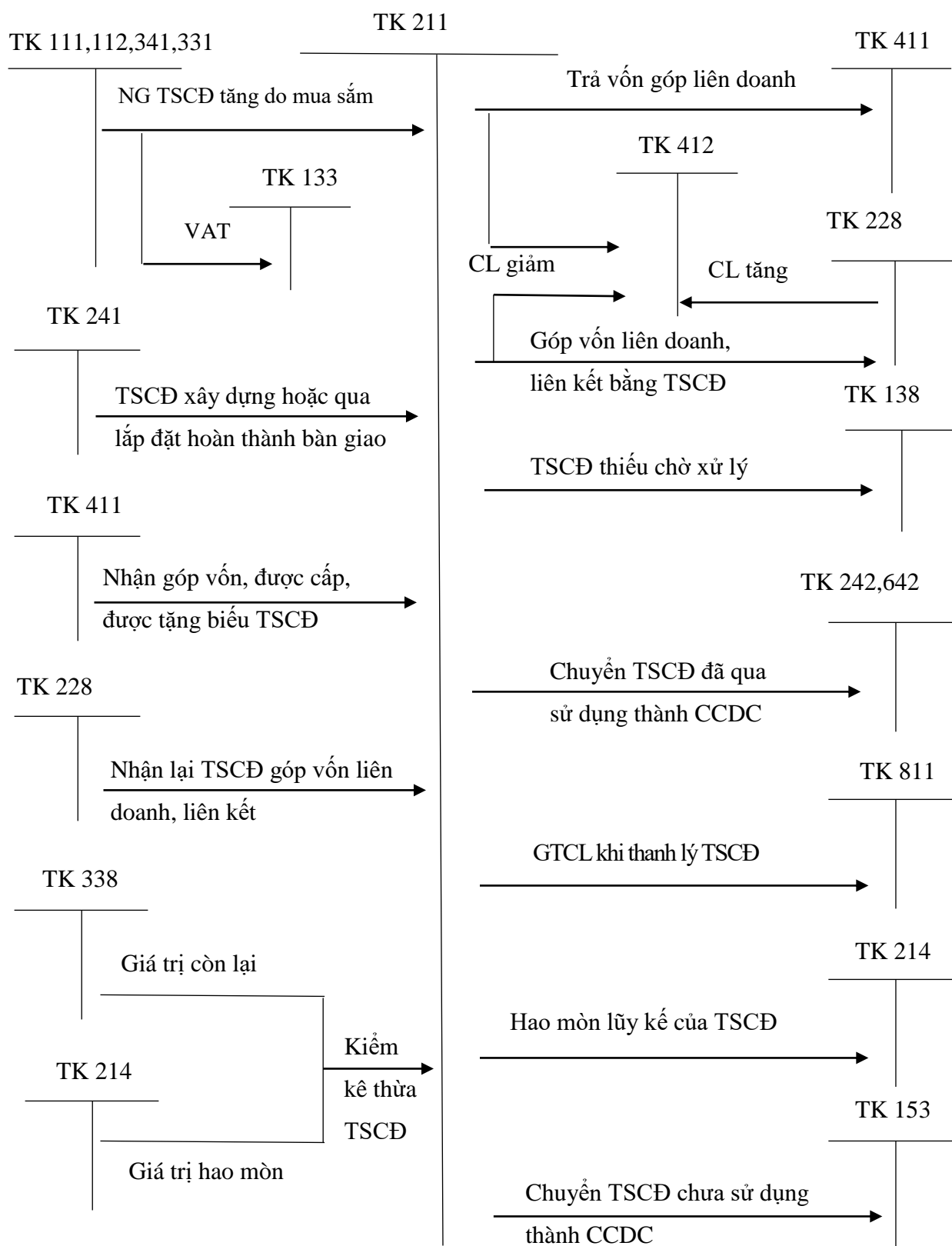
Tài khoản 211 - Tài sản cố định có 3 tài khoản cấp 2:

- *Tài khoản 2111 - TSCĐ hữu hình:* Dùng để phản ánh giá trị hiện có và tình hình biến động của toàn bộ TSCĐ hữu hình thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp theo nguyên giá.

- *Tài khoản 2112 - TSCĐ thuê tài chính:* Dùng để phản ánh nguyên giá TSCĐ doanh nghiệp đi thuê dài hạn theo phương thức thuê tài chính.

- *Tài khoản 2113 - TSCĐ vô hình:* Dùng để phản ánh giá trị hiện có và tình hình biến động của toàn bộ TSCĐ vô hình thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp theo nguyên giá.

1.2.2.3 Phương pháp hạch toán tài sản cố định



Sơ đồ 1.1: Phương pháp hạch toán tăng, giảm TSCĐ hữu hình, vô hình

1.3. Kế toán khấu hao tài sản cố định trong doanh nghiệp nhỏ và vừa.

1.3.1. Nguyên tắc khấu hao tài sản cố định

+ Về nguyên tắc, mọi TSCĐ, BĐSĐT dùng để cho thuê của doanh nghiệp có liên quan đến sản xuất, kinh doanh (gồm cả tài sản chưa dùng, không cần dùng, chờ thanh lý) đều phải trích khấu hao theo quy định hiện hành. Khấu hao TSCĐ dùng trong sản xuất, kinh doanh và khấu hao BĐSĐT được hạch toán vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ; khấu hao TSCĐ, BĐSĐT chưa dùng, không cần dùng, chờ thanh lý thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành. Đối với TSCĐ dùng cho mục đích phúc lợi thì không phải trích khấu hao tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh mà chỉ tính hao mòn TSCĐ và hạch toán giảm nguồn hình thành TSCĐ đó.

+ Căn cứ vào quy định của pháp luật và yêu cầu quản lý của doanh nghiệp để lựa chọn 1 trong các phương pháp tính, trích khấu hao theo quy định của pháp luật phù hợp cho từng TSCĐ, BĐSĐT nhằm kích thích sự phát triển sản xuất, kinh doanh, đảm bảo việc thu hồi vốn nhanh, đầy đủ và phù hợp với khả năng trang trải chi phí của doanh nghiệp.

Phương pháp khấu hao được áp dụng cho từng TSCĐ, BĐSĐT phải được thực hiện nhất quán và có thể được thay đổi khi có sự thay đổi đáng kể cách thức thu hồi lợi ích kinh tế của TSCĐ và BĐSĐT.

+ Thời gian khấu hao và phương pháp khấu hao TSCĐ phải được xem xét lại ít nhất là vào cuối mỗi năm tài chính. Nếu thời gian sử dụng hữu ích ước tính của tài sản khác biệt lớn so với các ước tính trước đó thì thời gian khấu hao phải được thay đổi tương ứng. Phương pháp khấu hao TSCĐ được thay đổi khi có sự thay đổi đáng kể cách thức ước tính thu hồi lợi ích kinh tế của TSCĐ. Trường hợp này, phải điều chỉnh chi phí khấu hao cho năm hiện hành, các năm tiếp theo và phải thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

+ Đối với các TSCĐ đã khấu hao hết (đã thu hồi đủ vốn) nhưng vẫn còn sử dụng vào hoạt động sản xuất, kinh doanh thì không được tiếp tục trích khấu hao. Các TSCĐ chưa tính đủ khấu hao (chưa thu hồi đủ vốn) mà đã hư hỏng, cần thanh lý thì phải xác định nguyên nhân, trách nhiệm của tập thể, cá nhân để xử lý bồi thường và phần giá trị còn lại của TSCĐ chưa thu hồi, không được bồi thường phải được bù đắp bằng số thu do thanh lý của chính TSCĐ đó, số tiền

bồi thường do lãnh đạo doanh nghiệp quyết định. Nếu số thu thanh lý và số thu bồi thường không đủ bù đắp phần giá trị còn lại của TSCĐ chưa thu hồi, hoặc giá trị TSCĐ bị mất thì chênh lệch còn lại được coi là lỗ về thanh lý TSCĐ và kế toán vào chi phí khác.

+ Đối với TSCĐ vô hình, phải tùy thời gian phát huy hiệu quả để trích khấu hao tính từ khi TSCĐ được đưa vào sử dụng (theo hợp đồng, cam kết hoặc theo quyết định của cấp có thẩm quyền).

+ Đối với TSCĐ thuê tài chính, trong quá trình sử dụng bên đi thuê phải trích khấu hao trong thời gian thuê theo hợp đồng tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh, đảm bảo thu hồi đủ vốn.

+ Đối với BĐSĐT cho thuê hoạt động phải trích khấu hao và ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ. Doanh nghiệp có thể dựa vào các BĐS chủ sở hữu sử dụng (TSCĐ) cùng loại để ước tính thời gian trích khấu hao và xác định phương pháp khấu hao BĐSĐT. Trường hợp BĐSĐT nắm giữ chờ tăng giá, doanh nghiệp không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị. Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy BĐSĐT tăng giá trở lại thì doanh nghiệp được điều chỉnh tăng nguyên giá BĐSĐT nhưng tối đa không vượt quá nguyên giá ban đầu của BĐSĐT.

1.3.2. Xác định thời gian trích khấu hao của tài sản cố định

❖ Đối với tài sản cố định hữu hình:

- Đối với tài sản cố định còn mới (chưa qua sử dụng), doanh nghiệp phải căn cứ vào khung thời gian sử dụng tài sản cố định được quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC để xác định thời gian sử dụng của tài sản cố định.

- Đối với tài sản cố định đã qua sử dụng, thời gian sử dụng của tài sản cố định được xác định như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Thời gian} \\ \text{trích khấu hao} \\ \text{của tài sản cố} \\ \text{định} \end{array} = \frac{\text{Giá trị hợp lý của tài sản} \\ \text{cố định}}{\text{Giá bán của TSCĐ cùng} \\ \text{loại mới 100\% (hoặc tương} \\ \text{đương trên thị trường)}} \times \begin{array}{l} \text{Thời gian trích khấu} \\ \text{hao của TSCĐ mới} \\ \text{cùng loại xác định} \\ \text{theo Thông tư 45} \end{array}$$

Trong đó:

Giá trị hợp lý của tài sản cố định là giá mua hoặc trao đổi thực tế (trong trường hợp mua bán, trao đổi), giá trị còn lại của tài sản cố định hoặc giá trị theo đánh giá của tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá (trong trường hợp được cho, được biếu, được tặng, được cấp, được điều chuyển đến) và các trường hợp khác.

❖ *Đối với tài sản cố định vô hình:*

Doanh nghiệp tự xác định thời gian sử dụng tài sản cố định vô hình nhưng tối đa không quá 20 năm.

Đối với tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất có thời hạn, thời gian sử dụng là thời hạn được phép sử dụng đất theo quy định.

Đối với tài sản cố định vô hình là quyền tác giả, quyền sở hữu trí tuệ, quyền đối với giống cây trồng, thì thời gian sử dụng là thời hạn bảo hộ được ghi trên văn bằng bảo hộ theo quy định.

1.3.3. Các phương pháp trích khấu hao tài sản cố định

a. Phương pháp khấu hao đường thẳng

Là phương pháp khấu hao theo mức tính ổn định từng năm vào chi phí sản xuất kinh doanh của từng tài sản cố định tham gia vào hoạt động kinh doanh.

- Xác định mức trích khấu hao bình quân hàng năm cho tài sản cố định theo công thức dưới đây:

$$\text{Mức trích khấu hao trung bình năm của TSCĐ} = \frac{\text{Nguyên giá của TSCĐ}}{\text{Năm sử dụng}}$$

- Xác định mức trích khấu hao bình quân hàng tháng cho tài sản cố định theo công thức dưới đây:

$$\text{Mức trích khấu hao trung bình hàng tháng TSCĐ} = \frac{\text{Mức trích khấu hao cả năm}}{12 \text{ tháng}}$$

b. Phương pháp khấu hao theo số dư giảm dần có điều chỉnh

Phương pháp khấu hao theo số dư giảm dần có điều chỉnh được áp dụng đối với doanh nghiệp thuộc các lĩnh vực công nghệ đòi hỏi phải thay đổi, thời gian hoàn vốn nhanh.

TSCĐ tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) được trích khấu hao theo phương pháp số dư giảm dần có điều chỉnh phải đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau: là TSCĐ đầu tư mới (chưa qua sử dụng); là các loại máy móc, thiết bị, dụng cụ làm việc đo lường, thí nghiệm.

Nội dung của phương pháp:

- Xác định thời gian khấu hao của TSCĐ: Doanh nghiệp xác định thời gian khấu hao của TSCĐ theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC.

- Xác định mức khấu hao năm của TSCĐ trong các năm đầu theo công thức:

$$\text{Mức trích khấu hao hàng năm của TSCĐ} = \frac{\text{Giá trị còn lại của TSCĐ}}{\text{Tỷ lệ khấu hao nhanh}} \times$$

Trong đó:

Tỷ lệ khấu hao nhanh xác định theo công thức:

$$\text{Tỷ lệ khấu hao nhanh (\%)} = \frac{\text{Tỷ lệ khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng}}{\text{Hệ số điều chỉnh}} \times$$

Tỷ lệ khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng xác định như sau:

$$\text{Tỷ lệ khấu hao TSCĐ theo PP đường thẳng} = \frac{1}{\text{Thời gian trích khấu hao của TSCĐ}} \times 100$$

Hệ số điều chỉnh xác định theo thời gian trích khấu hao như sau:

Thời gian trích khấu hao của TSCĐ	Hệ số điều chỉnh (lần)
Đến 4 năm ($t \leq 4$ năm)	1,5
Trên 4 đến 6 năm ($4 \text{ năm} < t \leq 6 \text{ năm}$)	2,0
Trên 6 năm ($t > 6$ năm)	2,5

- Mức trích khấu hao hàng tháng bằng số khấu hao phải trích cả năm chia cho 12 tháng.

Lưu ý: Những năm cuối, khi mức khấu hao năm xác định theo phương pháp số dư giảm dần bằng (hoặc thấp hơn) mức khấu hao tính bình quân giữa giá trị còn lại và số năm sử dụng còn lại của TSCĐ, thì kể từ năm đó mức khấu hao được tính bằng giá trị còn lại của TSCĐ chia cho số năm sử dụng còn lại của TSCĐ.

c. Phương pháp khấu hao theo số lượng, khối lượng sản phẩm

TSCĐ tham gia vào hoạt động SXKD được trích khấu hao theo phương pháp này là các loại máy móc thiết bị thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Trực tiếp tham gia đến việc sản xuất sản phẩm;
- Xác định được tổng số lượng, khối lượng sản phẩm sản xuất theo công suất thiết kế của TSCĐ;
- Công suất sử dụng thực tế bình quân tháng trong năm tài chính không thấp hơn 100% công suất thiết kế.

Nội dung của phương pháp:

TSCĐ tham gia vào hoạt động kinh doanh được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao theo số lượng, khối lượng sản phẩm sau:

- Căn cứ vào hồ sơ kinh tế- kỹ thuật của TSCĐ, doanh nghiệp xác định tổng số lượng, khối lượng sản phẩm sản xuất theo công suất thiết kế của TSCĐ, gọi tắt là sản lượng theo công suất thiết kế.
- Căn cứ tình hình thực tế sản xuất, doanh nghiệp xác định số lượng, khối lượng sản phẩm thực tế sản xuất hàng tháng, hàng năm của TSCĐ.
- Xác định mức trích khấu hao trong tháng của TSCĐ theo công thức:

$$\begin{array}{l} \text{Mức trích khấu hao} \\ \text{trong tháng của} \\ \text{TSCĐ} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số lượng sản phẩm} \\ \text{sản xuất trong} \\ \text{tháng} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Mức trích khấu hao} \\ \text{bình quân tính cho một} \\ \text{đơn vị sản phẩm} \end{array}$$

Trong đó:

$$\begin{array}{l} \text{Mức trích khấu hao bình quân} \\ \text{tính cho một đơn vị sản phẩm} \end{array} = \frac{\text{Nguyên giá của TSCĐ}}{\text{Sản lượng theo công suất thiết kế}}$$

- Mức trích khấu hao năm của TSCĐ bằng tổng mức trích khấu hao của 12 tháng trong năm, hoặc tính theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Mức trích khấu} \\ \text{hao năm TSCĐ} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Sản lượng sản phẩm} \\ \text{sản xuất năm} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Mức trích khấu hao bình} \\ \text{quân 1 đơn vị sản phẩm} \end{array}$$

Trường hợp công suất thiết kế hoặc nguyên giá của TSCĐ thay đổi, doanh nghiệp phải xác định lại mức trích khấu hao của TSCĐ.

1.3.4. Chứng từ và tài khoản sử dụng

- Chứng từ sử dụng: Bảng tính và phân bổ khấu hao, Biên bản thanh lý TSCĐ...
- Tài khoản sử dụng: Tài khoản 214 – Hao mòn TSCĐ

Tài khoản này phản ánh tình hình tăng, giảm giá trị hao mòn và giá trị hao mòn lũy kế của các loại TSCĐ và bất động sản (BDS) đầu tư trong quá trình sử dụng do trích khấu hao TSCĐ, BDS đầu tư và những khoản tăng, giảm hao mòn khác của TSCĐ, BDS đầu tư.

* *Kết cấu và nội dung phản ánh TK 214:*

Bên Nợ: Giá trị hao mòn TSCĐ, BĐSĐT giảm do TSCĐ, BĐSĐT thanh lý, nhượng bán, điều động cho đơn vị hạch toán phụ thuộc, góp vốn đầu tư vào đơn vị khác,...

Bên Có: Giá trị hao mòn TSCĐ, BĐSĐT tăng do trích khấu hao TSCĐ, BĐSĐT,...

Số dư bên Có: Giá trị hao mòn lũy kế của TSCĐ, BĐSĐT hiện có cuối kỳ ở doanh nghiệp.

Tài khoản 214 - Hao mòn TSCĐ, có 4 tài khoản cấp 2:

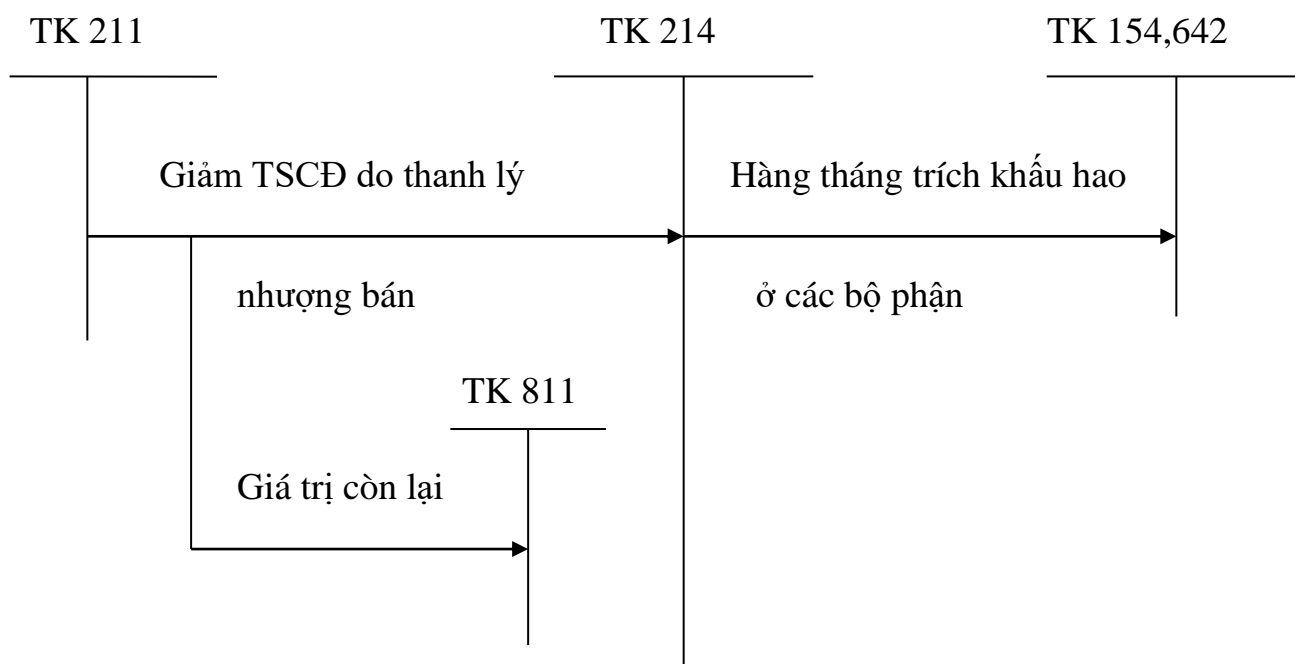
- *Tài khoản 2141 - Hao mòn TSCĐ hữu hình:* Phản ánh giá trị hao mòn của TSCĐ hữu hình trong quá trình sử dụng do trích khấu hao TSCĐ và những khoản tăng, giảm hao mòn khác của TSCĐ hữu hình.

- *Tài khoản 2142 - Hao mòn TSCĐ thuê tài chính:* Phản ánh giá trị hao mòn của TSCĐ thuê tài chính trong quá trình sử dụng do trích khấu hao TSCĐ thuê tài chính và những khoản tăng, giảm hao mòn khác của TSCĐ thuê tài chính.

- *Tài khoản 2143 - Hao mòn TSCĐ vô hình:* Phản ánh giá trị hao mòn của TSCĐ vô hình trong quá trình sử dụng do trích khấu hao TSCĐ vô hình và những khoản làm tăng, giảm hao mòn khác của TSCĐ vô hình.

- *Tài khoản 2147 - Hao mòn BĐSĐT:* Tài khoản này phản ánh giá trị hao mòn BĐSĐT trong quá trình cho thuê hoạt động và những khoản làm tăng, giảm hao mòn khác của BĐSĐT.

1.3.5. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.2: Kế toán khấu hao TSCĐ

1.4. Kế toán sửa chữa tài sản cố định trong doanh nghiệp nhỏ và vừa

Sửa chữa TSCĐ là việc bảo dưỡng, sửa chữa TSCĐ bị hỏng trong quá trình hoạt động kinh doanh nhằm khôi phục lại năng lực hoạt động bình thường của TSCĐ đó. Cách thức tiến hành sửa chữa TSCĐ có thể là do doanh nghiệp tự làm hoặc do doanh nghiệp thuê ngoài. Những chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để sửa chữa TSCĐ gọi là chi phí sửa chữa TSCĐ.

1.4.1 Kế toán sửa chữa thường xuyên tài sản cố định trong doanh nghiệp nhỏ và vừa

Sửa chữa thường xuyên TSCĐ là hình thức sửa phát sinh thường xuyên hàng ngày, có thời gian sửa chữa ngắn, chi phí sửa chữa phát sinh thường có giá trị nhỏ.

Khối lượng công việc không nhiều, vì vậy chi phí sửa chữa phát sinh thường được tính thẳng vào chi phí SXKD trong kỳ (nếu sửa chữa cho TSCĐ phục vụ cho hoạt động phức lợi thì hạch toán thẳng vào TK 353).

❖ Chứng từ sử dụng:

Hóa đơn GTGT sửa chữa, biên lai thu phí và các chứng từ khác liên quan như: phiếu chi, giấy đề nghị thanh toán, phiếu quyết toán sửa chữa chung,...

❖ **Tài khoản sử dụng:**

Các tài khoản chi phí: TK 154, 642,... và các TK liên quan: TK 133, 111, 112, 331,...

❖ **Phương pháp hạch toán:**

Khi phát sinh chi phí này, kế toán phản ánh ngay vào chi phí của từng bộ phận sử dụng tài khoản đó:

Nợ TK 154, 642,...

Nợ TK 133: Thuế GTGT đầu vào

Có TK 111, 112, 331,...

1.4.2 Kế toán sửa chữa lớn tài sản cố định trong doanh nghiệp nhỏ và vừa

Sửa chữa lớn là loại sửa chữa có các đặc điểm, mức độ hư hỏng nặng hoặc sửa chữa, bảo dưỡng theo kế hoạch nên kỹ thuật sửa chữa phức tạp, công việc sửa chữa có thể do doanh nghiệp tự thực hiện hoặc thuê ngoài, thời gian sửa chữa kéo dài và TSCĐ phải ngừng hoạt động, chi phí phát sinh lớn nên không thể tính hết một lần vào chi phí của đối tượng sử dụng phương pháp phân bổ thích ứng.

❖ **Chứng từ sử dụng:**

Các chứng từ kế toán để phản ánh việc sửa chữa lớn hoàn thành là Biên bản giao nhận TSCĐ sửa chữa lớn hoàn thành. Đây là chứng từ xác nhận việc giao nhận TSCĐ sau khi hoàn thành việc sửa chữa lớn giữa bên có TSCĐ và bên thực hiện việc sửa chữa.

❖ **Tài khoản sử dụng:**

TK 241 (2413): Sửa chữa lớn TSCĐ; TK 242: Chi phí trả trước và các tài khoản liên quan: TK 111, 112,...

❖ **Phương pháp hạch toán:**

Công tác sửa chữa lớn tài sản cố định của doanh nghiệp có thể tiến hành theo phương thức tự làm hoặc giao thầu:

- *Theo phương thức tự làm:* Khi chi phí sửa chữa lớn phát sinh, căn cứ chứng từ phát sinh chi phí để hạch toán:

+ Nếu sửa chữa lớn TSCĐ phục vụ cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ, ghi:

Nợ TK 241- XDCB dở dang

Nợ TK 133- Thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 111,112, 152,...

+ Nếu sửa chữa lớn TSCĐ phục vụ cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT hoặc thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp, ghi:

Nợ TK 241- XDCB dở dang (tổng giá thanh toán)

Có TK 111,112,... (tổng giá thanh toán)

Khi công trình sửa chữa lớn đã hoàn thành, kế toán phải tính giá thực tế của từng công trình sửa chữa lớn để quyết toán số chi phí này theo các trường hợp sau:

+ Trường hợp chi phí sửa chữa lớn TSCĐ có giá trị nhỏ được hạch toán toàn bộ vào chi phí trong kỳ:

Nợ TK 154, 642

Có TK 241- XDCB dở dang (2413)

+ Trường hợp chi phí sửa chữa lớn TSCĐ có giá trị lớn và liên quan đến nhiều kỳ sản xuất, kinh doanh, khi công việc sửa chữa lớn TSCĐ hoàn thành, tiến hành kết chuyển vào tài khoản chi phí trả trước hoặc chi phí phải trả về sửa chữa lớn TSCĐ:

Nợ TK 242- Chi phí trả trước

Nợ TK 335- Chi phí phải trả

Có TK 241-XDCB dở dang (2143)

+ Trường hợp sửa chữa lớn hoặc cải tạo, nâng cấp thỏa mãn điều kiện ghi tăng nguyên giá TSCĐ, ghi:

Nợ TK 211- TSCĐ hữu hình

Có TK 241- XDCB dở dang (2413)

• Theo phương thức giao thầu:

Khi nhận khối lượng sửa chữa lớn do bên nhận thầu bàn giao, ghi:

Nợ TK 241- XDCB dở dang (2413)

Nợ TK 133- Thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 331- Phải trả cho người bán.

Có TK 111, 112 – Khoản đã thanh toán

1.5. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào công tác kế toán tài sản cố định trong doanh nghiệp nhỏ và vừa

Theo thông tư 133/2018/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng Bộ tài chính ban hành, doanh nghiệp có thể tự thiết kế các chứng từ, sổ sách kế toán phù hợp với đặc điểm hoạt động và yêu cầu quản lý của đơn vị nhưng đảm bảo cung cấp những thông tin theo quy định của Luật kế toán và các văn bản sửa đổi, bổ sung. Nếu doanh nghiệp không tự thiết kế được thì có thể vận dụng hệ thống sổ sách theo 4 hình thức kế toán sau:

- Hình thức Nhật ký chung
- Hình thức Nhật ký – Sổ cái
- Hình thức Chứng từ ghi sổ
- Hình thức kế toán trên máy vi tính.

Việc áp dụng hình thức kế toán này hay hình thức kế toán khác là tùy thuộc vào quy mô, đặc điểm sản xuất kinh doanh và trình độ quản lý của các doanh nghiệp và quy định về đối tượng mà đơn vị kế toán lựa chọn cho phù hợp.

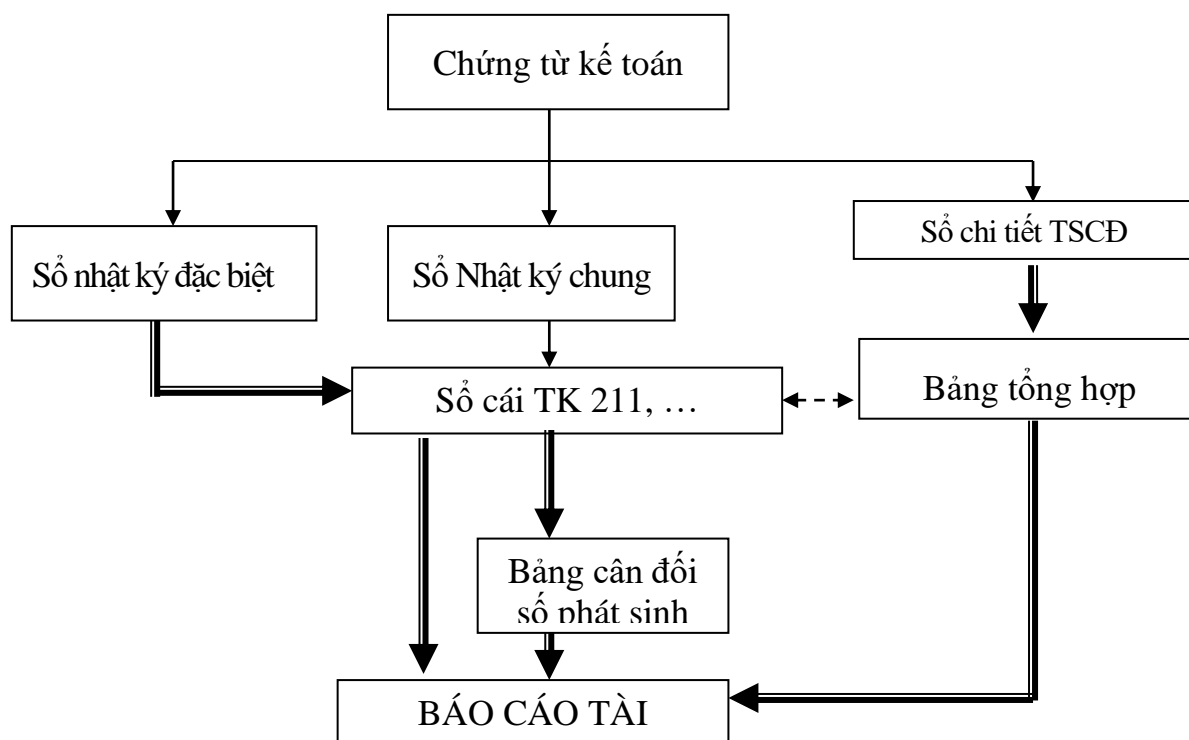
1.5.1. Đặc điểm kế toán tài sản cố định theo hình thức Nhật ký chung

Theo hình thức sổ này tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian được phản ánh vào sổ Nhật ký chung, sau đó số liệu từ Nhật ký chung sẽ được dùng để vào sổ cái.

Ngoài Nhật ký chung để phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo thời gian người ta còn có thể mở thêm sổ nhật ký đặc biệt để phản ánh các đối tượng có số lượng nghiệp vụ phát sinh lớn, thường xuyên nhằm giảm bớt khối lượng

Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ sách chủ yếu sau:

- Sổ Nhật ký chung, Sổ Nhật ký đặc biệt;
- Sổ Cái; Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ====→ Ghi hàng tuần, hàng tháng, hoặc định kỳ
- ←- - - -> Đối chiếu

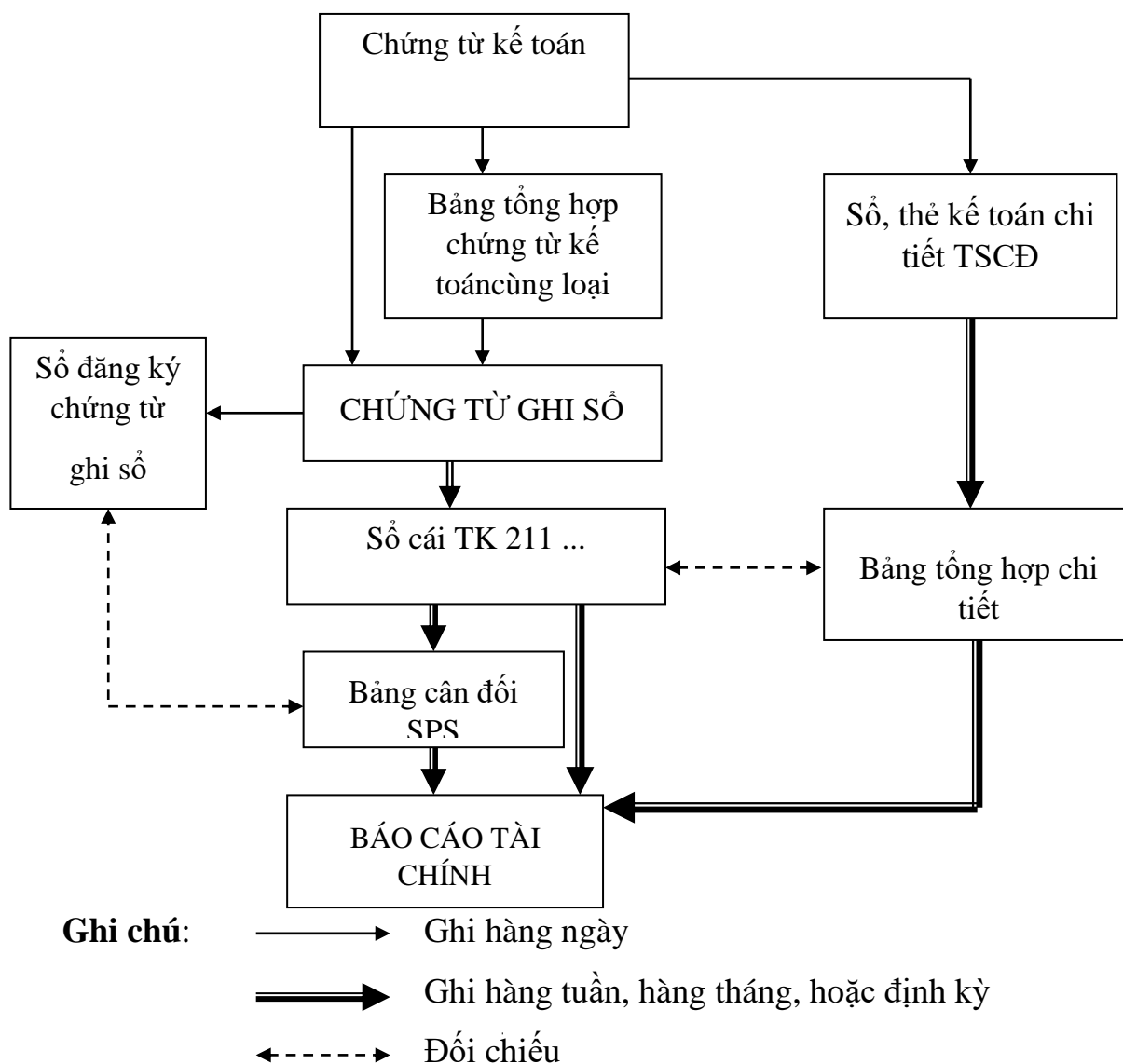
Sơ đồ 1.3 : Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán tài sản cố định theo hình thức kế toán Nhật ký chung

1.5.2. Đặc điểm kế toán tài sản cố định theo hình thức Chứng từ ghi sổ

Hình thức này phù hợp với các doanh nghiệp có quy mô vừa và lớn với mọi trình độ quản lý và trình độ kế toán, phù hợp với cả kế toán thủ công và kế toán máy.

Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ gồm các loại sổ sách chủ yếu sau: Chứng từ ghi sổ; Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ; Sổ Cái; Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.



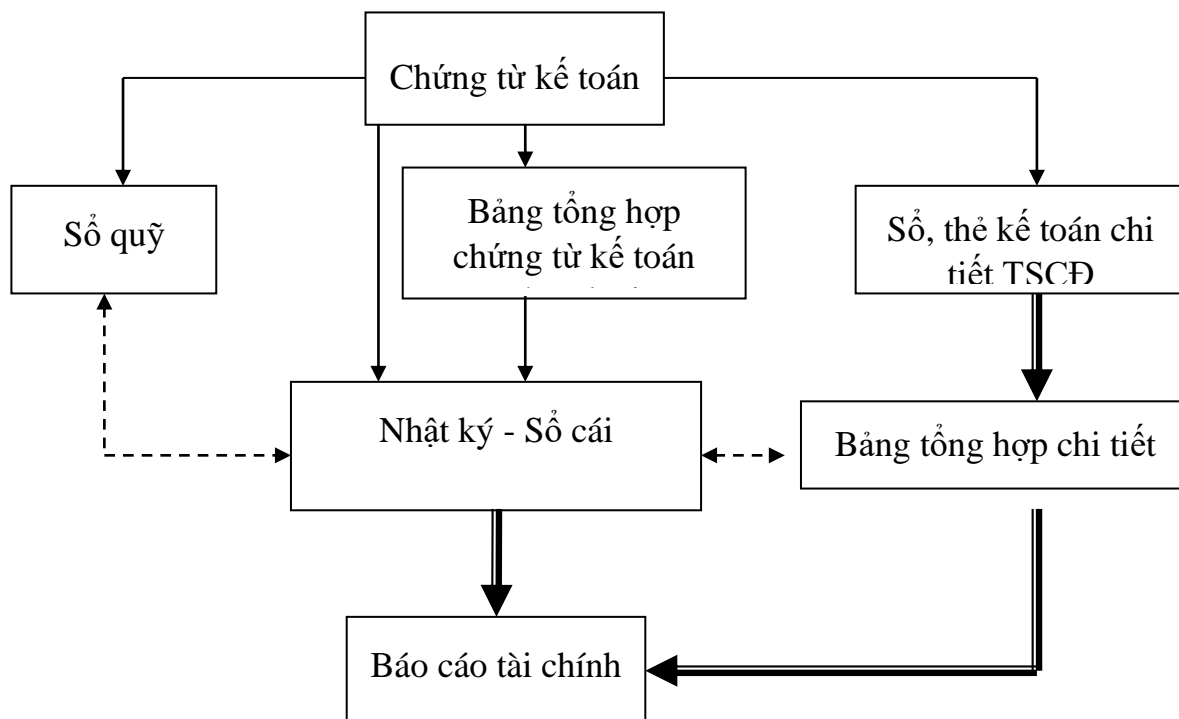
Sơ đồ 1.4: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán tài sản cố định theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

1.5.3. Đặc điểm kế toán tài sản cố định theo hình thức Nhật ký – Sổ cái

Theo hình thức sổ này thì toàn bộ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo thời gian được phản ánh trên cùng một vài trang sổ Nhật ký - Sổ cái. Đây là sổ tổng hợp duy nhất. Toàn bộ các nghiệp vụ tài khoản mà doanh nghiệp sử dụng sẽ được phản ánh trên Nhật ký sổ cái. Mỗi một chứng từ sẽ được phản ánh một dòng trên Nhật ký - sổ cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký - Sổ Cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái gồm các loại sổ sách chủ yếu sau:

- Nhật ký - Sổ Cái;
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

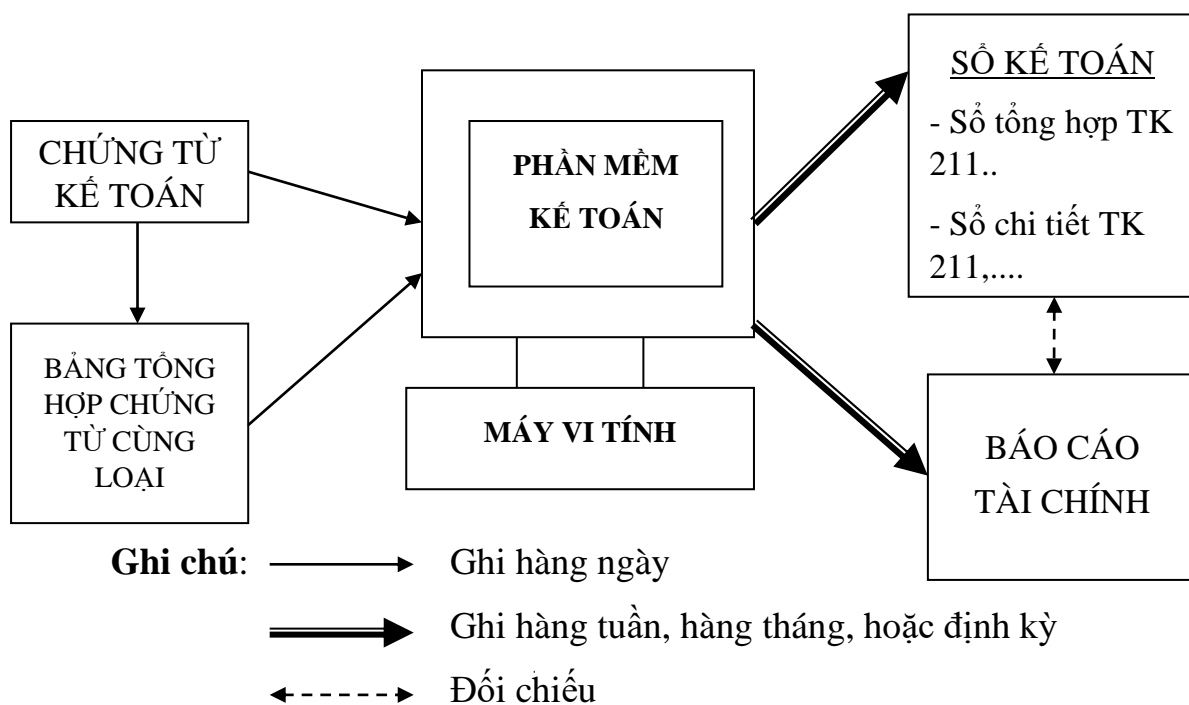


- Ghi chú:**
- > Ghi hàng ngày
 - =====> Ghi hàng tuần, hàng tháng, hoặc định kỳ
 - <-.-.-.-> Đối chiếu

Sơ đồ 1.5: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán tài sản cố định theo hình thức kế toán Nhật ký Sổ cái

1.5.4. Đặc điểm kế toán tài sản cố định theo hình thức kế toán trên máy vi tính

Đặc trưng cơ bản của Hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.



Sơ đồ 1.6: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán tài sản cố định theo hình thức kế toán máy

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI ANH LỘC PHÁT - H68

2.1. Khái quát chung về Công ty TNHH thương mại và vận tải Anh Lộc Phát - H68.

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH thương mại và vận tải Anh Lộc Phát - H68.

Tên công ty: Công ty TNHH thương mại và vận tải Anh Lộc Phát - H68

Tên công ty viết tắt: Anh Loc Phat-H68 Trantraco.

Email: anhlocphath68@gmail.com.

Địa chỉ: 12/138 Hai Bà Trưng, An Biên, Lê Chân, Hải Phòng

Mã số thuế: 00201777847

Số điện thoại: 0986576756

Số TK: 5678567888 – Tại Ngân hàng ACB – Chi nhánh Hải Phòng.

❖ **Quá trình hình thành và phát triển**

Công ty TNHH thương mại và vận tải Anh Lộc Phát - H68 được thành lập vào ngày 24 tháng 03 năm 2017 trong lúc sự phát triển và bùng nổ của xe du lịch hợp đồng tại Hải Phòng. Tiền thân công ty là một hộ kinh doanh cá thể hoạt động trong lĩnh vực vận tải hơn 10 năm trước. Với sự phát triển của nền kinh tế Hải Phòng trong những năm gần đây cùng với sự nỗ lực vươn lên của cá nhân, đơn vị đã thành lập lên Công ty TNHH thương mại và vận tải Anh Lộc Phát - H68. Ban đầu với nhiều khó khăn bỡ ngỡ với chỉ vài chiếc xe nhưng với sự năng động và nhạy bén trong kinh doanh, hiện tại công ty đã phát triển với hơn 40 xe các loại đủ sức phục vụ cho các đoàn vận tải trong và ngoài nước. Ra đời với sứ mệnh phục vụ khách hàng với dịch vụ tốt nhất, đưa ra những giải pháp hữu ích nhất. Công ty TNHH thương mại và vận tải Anh Lộc Phát - H68 đã tự lựa chọn cho mình con đường đi lên, lấy chất lượng và uy tín là phương châm hàng đầu.

Là một doanh nghiệp hoạt động trong chủ yếu trong lĩnh vực như vận tải hành khách đường bộ ... Đội ngũ cán bộ Công ty TNHH thương mại và vận tải

Anh Lộc Phát - H68 luôn được trau dồi, tu dưỡng và ý thức được sứ mệnh phục vụ khách hàng của mình.

Trong thời gian sắp tới, Hải Phòng tiếp tục trên đà phát triển cơ sở hạ tầng và giao thông vận tải sẽ có rất nhiều cơ hội, thách thức đang chờ đón chúng ta ở phía trước. Công ty luôn không ngừng lắng nghe những ý kiến góp ý đầy thiện chí, cũng như những phê bình nghiêm túc để phấn đấu nâng cao chất lượng phục vụ, nâng cao năng lực cạnh tranh, cải tiến quy trình quản lý, và cải thiện chất lượng phục vụ theo phương châm: **“Luôn giữ vững niềm tin của khách hàng”**. Công ty TNHH thương mại và vận tải Anh Lộc Phát - H68 luôn trân trọng giá trị nền tảng cho sự phát triển, đó là các cơ hội được hợp tác với Quý khách hàng.

Phương châm hoạt động của Công ty TNHH thương mại và vận tải Anh Lộc Phát - H68: **“Phục vụ khách hàng với chất lượng tốt nhất”**.

Đối với Công ty TNHH thương mại và vận tải Anh Lộc Phát - H68 sự hài lòng của khách hàng là điều quan trọng nhất. Sự hài lòng này đã và đang được thể hiện rõ nét trong dịch vụ vận tải mà Công ty cung cấp: chất lượng của các loại xe; tay nghề và thái độ phục vụ chuyên nghiệp của lái xe, cách quản lý điều hành của đội ngũ cán bộ ... đã làm nên thương hiệu H68.

Công ty TNHH thương mại và vận tải Anh Lộc Phát - H68 đã xây dựng những nguyên tắc chuẩn trong phục vụ khách hàng như sau:

- Đáp ứng nhanh chóng và hiệu quả mọi yêu cầu của khách hàng.
- Đảm bảo sự hoạt động liên tục đối với các dịch vụ mà Công ty cung cấp.
- Nhiệt tình, chu đáo với thái độ nhanh nhẹn, hòa nhã, chuyên nghiệp.
- Đảm bảo cung cấp dịch vụ với giá cả hợp lý và sức cạnh tranh cao.

Luôn quan tâm đến chính sách đào tạo nhân viên để đảm bảo tính chuyên môn cao.

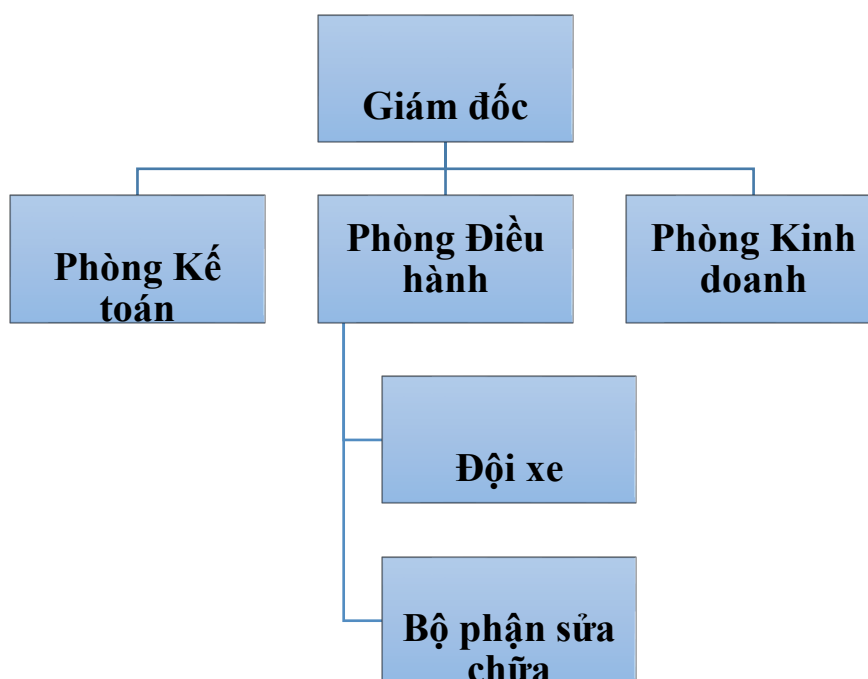
2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH thương mại và vận tải Anh Lộc Phát - H68.

Công ty TNHH thương mại và vận tải Anh Lộc Phát - H68 có các lĩnh vực hoạt động chính như sau:

- Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; Vận tải hành khách bằng ô tô theo tuyến cố định và theo hợp đồng
- Hỗ trợ điều hành tour du lịch
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa
- ...

2.1.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty TNHH thương mại và vận tải Anh Lộc Phát - H68.

Để phù hợp với quy mô của Công ty, Công ty TNHH thương mại và vận tải Anh Lộc Phát - H68 đã áp dụng hình thức tổ chức bộ máy quản lý theo hình thức trực tuyến chức năng. Bộ máy quản lý của Công ty được xây dựng và thực hiện theo chế độ một thủ trưởng. Các phòng ban chức năng và các phân xưởng sản xuất có trách nhiệm và quyền hạn trong phạm vi của mình. Sau đây là sơ đồ về bộ máy quản lý của Công ty TNHH thương mại và vận tải Anh Lộc Phát - H68.



Sơ đồ 2.1: Bộ máy quản lý Công ty TNHH thương mại và vận tải Anh Lộc Phát - H68

❖ **Giám đốc:**

Là người có quyền hành cao nhất trong công ty. Giám đốc chỉ đạo mọi hoạt động kinh doanh của toàn công ty, từ việc xây dựng chiến lược, tổ chức thực hiện đến việc kiểm tra, đánh giá điều chỉnh và lựa chọn các phương án và huy động

❖ **Phòng Điều hành:**

Tổ chức nghiên cứu, áp dụng kiểm tra, giám sát chặt chẽ quy trình vận chuyển hàng hóa và hành khách. Theo dõi tình hình vận chuyển của phương tiện bảo đảm yêu cầu kỹ thuật đề ra. Nghiên cứu cải tiến đổi mới thiết bị nhằm nâng cao chất lượng vận chuyển để vận tải kịp thời, đạt hiệu quả cao.

Tiến hành tổng kết, đánh giá chất lượng phục vụ khách hàng, tìm ra những nguyên nhân không đạt để đưa ra biện pháp khắc phục.

❖ **Phòng Kinh doanh:**

+ Giúp giám đốc hoạch định chiến lược sản xuất kinh doanh, trực tiếp tổ chức khai thác khách hàng.

+ Lập kế hoạch kinh doanh ngắn hạn và dài hạn theo hợp đồng kinh tế, thực hiện các hợp đồng ký kết.

+ Có nhiệm vụ xây dựng và thực hiện các chiến lược quảng cáo, xúc tiến bán hàng, tìm kiếm thị trường, tiêu thụ sản phẩm trên thị trường, đưa ra ý kiến đề xuất phát hiện những vấn đề chưa hợp lý, đồng thời tìm kiếm các đơn đặt hàng.

❖ **Phòng Kế toán:**

+ Giám sát về tài chính, kiểm tra phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh, cung cấp thông tin kế toán một cách chính xác, kịp thời giúp giám đốc ra quyết định sản xuất kinh doanh.

+ Giám đốc việc sử dụng vốn và quản lý việc sử dụng tài sản của công ty đảm bảo đúng mục đích yêu cầu và có hiệu quả.

+ Mở các loại sổ sách, biểu mẫu kế toán, ghi chép phản ánh số hiện có tình hình luân chuyển và sử dụng tài sản, vật tư, tiền vốn quá trình sản xuất kinh doanh của công ty.

+ Lập các báo cáo tài chính định kỳ đầy đủ, thực hiện nghiêm chỉnh việc trích nộp ngân sách. Trích và sử dụng đúng các loại quỹ theo quy định hiện hành.

+ Lập các hoá đơn thực hiện thanh toán với các chủ hàng và đơn vị liên quan, trực tiếp quản lí nguồn thu, chi

❖ **Đội xe:**

Trực tiếp thực hiện các hoạt động vận tải theo hợp đồng đã được ký kết với khách hàng.

❖ **Bộ phận sửa chữa:**

+ Kiểm tra khả năng hoạt động và tình trạng của ô tô.

+ Xác định mức độ hư hỏng, tìm ra nguyên nhân và đề ra phương án bảo dưỡng, sửa chữa thích hợp.

+ Thực hiện hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa, khôi phục tình trạng hoạt động của ô tô theo đúng tiêu chuẩn được quy định.

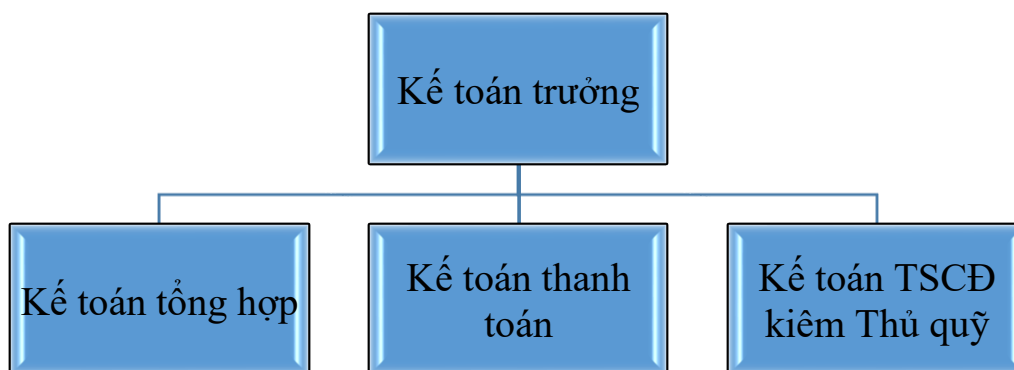
+ Trong trường hợp khẩn cấp hoặc bộ phận sửa chữa không thể sửa được, xe có thể đưa ra thuê ngoài sửa chữa.

2.1.4. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán và chính sách kế toán áp dụng tại Công ty TNHH thương mại và vận tải Anh Lộc Phát - H68

2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán

Giới thiệu chung về bộ máy kế toán:

Để tổ chức bộ máy kế toán gọn nhẹ, có hiệu quả đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời, chính xác, Công ty đã lựa chọn hình thức tổ chức bộ máy kế toán tập trung. Hình thức này tạo điều kiện cho việc kiểm tra, chỉ đạo nghiệp vụ cụ thể và đảm bảo sự lãnh đạo tập trung thống nhất của kế toán trưởng cũng như sự chỉ đạo kịp thời của ban lãnh đạo Công ty đối với hoạt động kinh doanh nói chung và đối với công tác kế toán nói riêng. Sau đây là sơ đồ bộ máy kế toán của Công ty TNHH thương mại và vận tải Anh Lộc Phát - H68.



Sơ đồ 2.2 : Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty TNHH thương mại và vận tải Anh Lộc Phát - H68

❖ **Kế toán trưởng:**

- Kế toán trưởng là người giúp Giám đốc công ty tổ chức chỉ đạo toàn bộ công tác hạch toán kế toán, nắm bắt thông tin kinh tế tài chính doanh nghiệp. Quản lý phân công cụ thể chức năng nhiệm vụ cho từng cán bộ công nhân viên trong phòng phù hợp với năng lực và trình độ chuyên môn của từng người.

- Chịu sự kiểm tra giám sát về mặt nghiệp vụ chuyên môn tài chính kế toán của cơ quan tài chính, cơ quan thuế và các cơ quan chức năng của Nhà nước. Kiểm soát toàn bộ các chứng từ sổ sách liên quan phát sinh đến tài chính của công ty. Tổ chức chỉ đạo thực hiện việc ghi chép hệ thống sổ sách chứng từ kế toán theo đúng quy định của Nhà nước.

❖ **Kế toán TSCĐ kiêm thủ quỹ:**

+ Tổ chức kế toán ghi chép, phản ánh tổng hợp số liệu một cách đầy đủ, kịp thời về số lượng, hiện trạng và giá trị tài sản cố định hiện có, tình hình tăng, giảm và di chuyển tài sản cố định, kiểm tra việc bảo quản, bảo dưỡng và sử dụng tài sản cố định.

+ Tính toán và phân bổ chính xác mức khấu hao tài sản cố định vào chi phí sản xuất kinh doanh theo mức độ hao mòn của tài sản cố định và chế độ qui định.

+ Tham gia lập dự toán sửa chữa lớn tài sản cố định, giám sát việc sửa chữa tài sản cố định.

+ Tham gia kiểm kê và đánh giá lại tài sản cố định theo quy định của nhà nước, lập các báo cáo về tài sản cố định của doanh nghiệp; tiến hành phân tích tình hình trang bị, huy động, bảo quản và sử dụng tài sản cố định.

+ Có chức năng, nhiệm vụ giám đốc đồng vốn của công ty, là người nắm giữ tiền mặt của công ty. Thủ quỹ căn cứ vào phiếu thu, chi hợp lệ để nhập và xuất quỹ. Tuyệt đối không được tiết lộ tình hình tài chính của công ty cho người không có thẩm quyền.

+ Là người có nhiệm vụ chính là thu giữ tiền mặt, thu tiền và chi tiền đến cuối kỳ xác định số tiền còn hiện có ở quỹ. Hàng ngày căn cứ vào các phiếu thu, phiếu chi tiền mặt để xuất hoặc nhập quỹ tiền mặt.

❖ ***Kế toán tổng hợp:***

Kiểm soát toàn bộ hoạt động thu chi qua quỹ của công ty và các khoản phải trả cho công nhân viên, các khoản chi phí phát sinh trong công ty liên quan đến thu mua, tiêu thụ nguyên vật liệu cho từng công trình cùng với các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp.

Tính toán và hạch toán tiền lương và BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ các khoản thu nhập, trợ cấp cho cán bộ, công nhân viên trong công ty. Hàng tháng ghi nhận các bảng thanh toán lương do các nhân viên kinh tế gửi về, lập bảng phân bổ.

❖ ***Kế toán thanh toán:***

Theo dõi các khoản công nợ giữa công ty với khách hàng. Lập báo cáo nhanh về các khoản công nợ để báo cáo lên kế toán trưởng và giám đốc.

+ Theo dõi tình hình thu chi, chuyển khoản tiền chủ đầu tư trả của các công trình, uỷ nhiệm chi đi ngân hàng chuyển tiền trả nhà cung cấp cho các đội xây dựng.

2.1.4.2. Chế độ kế toán áp dụng tại doanh nghiệp.

- Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.
- Kỳ kế toán: Từ 1/1 đến 31/12 năm dương lịch.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng: Đồng Việt Nam.
- Phương pháp khấu hao TSCĐ: khấu hao đường thẳng.
- Phương pháp tính thuế GTGT: thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.
- Phương pháp tính giá xuất kho: Theo phương pháp Bình quân liên hoàn.

- Chế độ kế toán áp dụng: theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính.

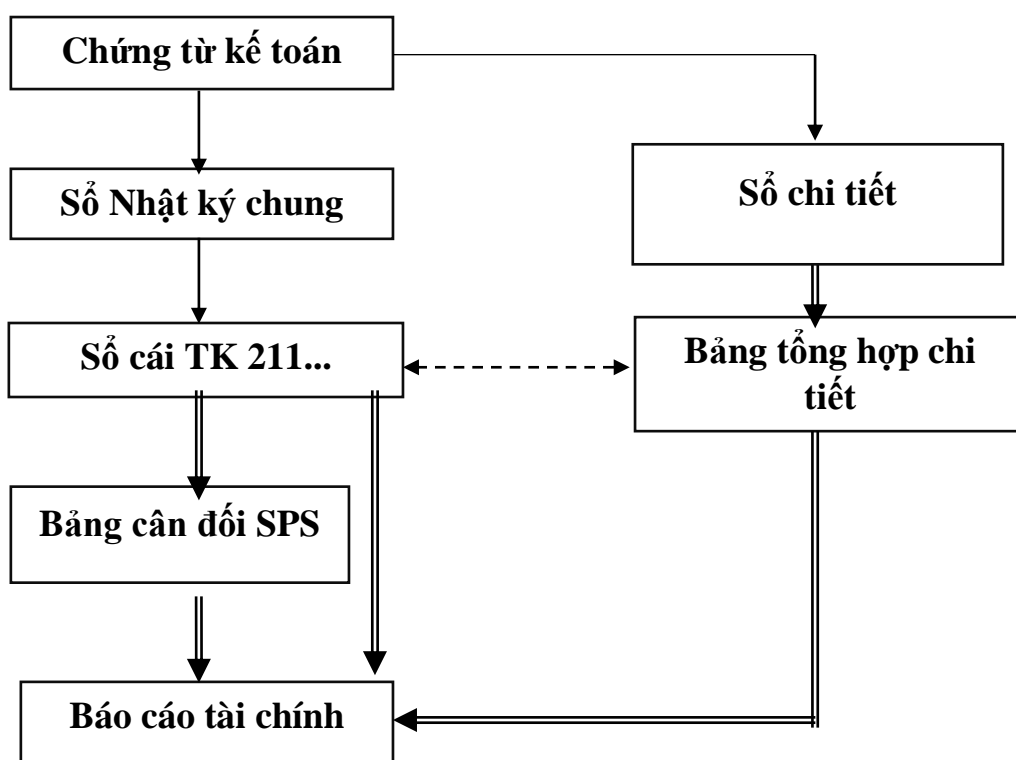
2.1.4.3. Hệ thống sổ sách kế toán và hình thức kế toán áp dụng tại công ty.

Là một đơn vị kinh doanh trong lĩnh vực vận tải, nghiệp vụ kinh tế phát sinh khá nhiều, do đó để hệ thống hóa và tính các chỉ tiêu kế toán theo yêu cầu quản lý, đồng thời có đội ngũ kế toán tương đối đồng đều về mặt chuyên môn, bởi đều được đào tạo qua các trường lớp từ bậc trung học đến đại học. Vì vậy đơn vị chọn hình thức kế toán: “Nhật ký chung”.

❖ **Sổ sách sử dụng:**

- Sổ nhật ký chung.
- Sổ chi tiết TK131, 112...
- Sổ cái các TK 211, 214, ...

❖ **Quy trình hạch toán:**



Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- ====> Ghi định kỳ
- <-----> Đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung.

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã được kiểm tra tính hợp pháp được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán ghi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào Sổ Nhật ký chung. Đồng thời từ chứng từ gốc kế toán ghi vào sổ, thẻ kế toán chi tiết. Từ sổ Nhật ký chung kế toán tiến hành ghi chép các sổ cái có liên quan.

Cuối kỳ, kế toán tiến hành cộng số liệu trên sổ cái để lập bảng cân đối số phát sinh căn; cứ vào bảng tổng hợp chi tiết lập bảng tổng hợp chi tiết các tài khoản. Sau khi đã kiểm tra, đối chiếu, khớp đúng số liệu ghi trên sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết, số liệu từ bảng cân đối phát sinh và bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập báo cáo tài chính.

Về nguyên tắc, tổng số phát sinh nợ và tổng số phát sinh có trên bảng cân đối số phát sinh phải bằng tổng số phát sinh nợ và số phát sinh có trên sổ Nhật ký chung.

2.1.4.4. Tổ chức lập và phân tích báo cáo kế toán.

Hệ thống báo cáo tài chính của doanh nghiệp được lập vào cuối năm tài chính bao gồm:

- Báo cáo tình hình tài chính- Mẫu B01a-DNN
- Bảng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh- Mẫu B02-DNN
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ- Mẫu B03-DNN
- Thuyết minh báo cáo tài chính- Mẫu B09 – DNN
- Bảng cân đối số phát sinh.

Ngoài ra công ty còn lập các báo cáo kế toán khác theo yêu cầu của Nhà nước như báo cáo thuế GTGT, thuế thu nhập doanh nghiệp và theo yêu cầu quản trị của doanh nghiệp như: Báo cáo tình hình công nợ, Báo cáo chi phí quản lý kinh doanh...

2.2 Thực trạng công tác kế toán tài sản cố định tại Công ty TNHH thương mại và vận tải Anh Lộc Phát - H68.

2.2.1 Phân loại và đánh giá giá trị tài sản cố định tại công ty

❖ *Phân loại TSCĐ tại công ty:*

Tài sản cố định của công ty được phân làm hai loại:

+ Phương tiện vận tải.

Phương tiện vận tải của Công ty gồm các loại xe ô tô chở khách từ 4 chỗ đến 45 chỗ ngồi. Các xe của công đều là xe mới sản xuất từ năm 2015 -2019,

ngoài ra còn có các xe nhập khẩu của Hàn Quốc, Nhật Bản, Các xe mua về đời mới, nội ngoại thất đẹp có đầy đủ âm thanh, mic, karaoke, có rèm che, đai thắt an toàn và luôn được dọn dẹp và trang trí sạch đẹp, đảm bảo an toàn và thẩm mỹ.

BẢNG KÊ PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI

Đến 31/12/2021

STT	Loại xe	Số lượng	Ghi chú
1	Xe 45 chỗ	29	
2	Xe 29-35 chỗ	8	
3	Xe 16 chỗ	5	
4	Xe 4-7 chỗ	3	2 xe phục vụ HĐQT

+ Tài sản cố định khác

Tài sản khác là những thiết bị như máy photocopy, bộ bàn ghế làm việc.

❖ **Đánh giá giá trị của TSCĐ:**

- Nguyên giá:

Tại công ty TSCĐ tăng chủ yếu do mua sắm. Đối với những tài sản mua sắm thì nguyên giá là giá mua thực tế phải trả, các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại), các chi phí thực tế phát sinh liên quan trực tiếp đến TSCĐ tính đến thời điểm đưa TSCĐ vào trạng thái sẵn sàng sử dụng như: chi phí vận chuyển, bốc dỡ, lắp đặt,...

- Giá trị hao mòn:

Giá trị hao mòn của TSCĐ là tổng số khấu hao lũy kế của TSCĐ đã trích được tính đến thời điểm báo cáo.

- Giá trị còn lại:

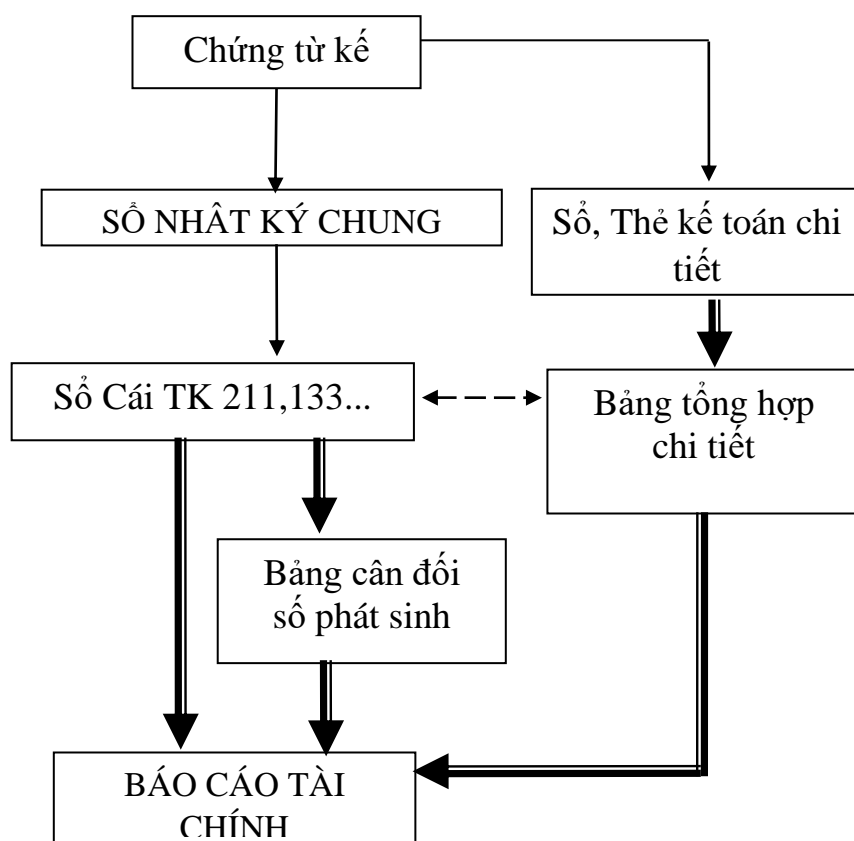
$$\text{Giá trị còn lại} = \text{Nguyên giá TSCĐ} - \text{Hao mòn lũy kế}$$

2.2.2 Kế toán tăng giảm tài sản cố định tại Công ty TNHH thương mại và vận tải Anh Lộc Phát - H68

❖ Chứng từ sử dụng:

Tại Công ty TNHH thương mại và vận tải Anh Lộc Phát - H68 sử dụng các chứng từ sau:

- ✓ Hợp đồng kinh tế
- ✓ Hóa đơn GTGT
- ✓ Ủy nhiệm chi
- ✓ Phiếu thu
- ✓ Biên bản thanh lý TSCĐ
- ✓ Biên bản giao nhận TSCĐ
- ✓ Các chứng từ liên quan khác
- ❖ *Tài khoản sử dụng:*
 - ✓ TK 211: Tài sản cố định
 - ✓ TK 214: Hao mòn TSCĐ
 - ✓ TK khác có liên quan: TK 111,112,331,...
- ❖ *Sổ sách sử dụng:*
 - ✓ Thẻ tài sản cố định
 - ✓ Sổ chi tiết theo dõi tài sản cố định
 - ✓ Bảng tổng hợp tài sản cố định
- ❖ Trình tự ghi sổ TSCĐ được thể hiện qua sơ đồ sau:



Ghi chú:

Ghi hàng ngày \Rightarrow
 Ghi định kỳ \Rightarrow
 Đối chiếu \Leftarrow

❖ **Ví dụ minh họa:**

Ví dụ 1: Ngày 01/06/2021, Công ty mua ô tô 29 chỗ ngồi của Công ty cổ phần ô tô Trường Hải – Chi nhánh Hải Phòng, giá mua có cả VAT 10% là 1.895.810.000 đồng, Công ty thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng. Tài sản được đầu tư bằng nguồn vốn kinh doanh.

Căn cứ vào kế hoạch, Phòng Kinh doanh chính lập tờ trình gửi giám đốc duyệt hồ sơ về việc mua xe ô tô phục vụ hoạt động vận chuyển khách.

Căn cứ vào tờ trình Giám đốc ra Quyết định duyệt mua ô tô của Công ty cổ phần ô tô Trường Hải – Chi nhánh Hải Phòng.

Sau khi tìm được đối tác các bên lập hợp đồng kinh tế mua phương tiện.

Biên bản giao nhận tài sản cố định sẽ được lập sau khi ô tô được bàn giao.

Đồng thời Công ty cổ phần ô tô Trường Hải – Chi nhánh Hải Phòng viết hóa đơn GTGT giao cho phòng kế toán để làm thủ tục thanh toán, hoàn tất giao dịch mua bán.

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0000875 (Biểu số: 2.2), Giấy báo nợ (Biểu số: 2.4) và các chứng từ kế toán có liên quan, kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (Biểu số: 2.11) đồng thời ghi sổ theo dõi tiền gửi ngân hàng, thẻ TSCĐ (Biểu số 2.5) và sổ chi tiết theo dõi tài sản cố định (Biểu 2.9).

Từ sổ Nhật ký chung (Biểu số: 2.11), kế toán ghi vào sổ cái TK 211 (Biểu số: 2.12), sổ cái TK 133, sổ cái TK 112.

Cuối năm, căn cứ vào sổ tài sản cố định (Biểu 2.9), kế toán lập Bảng tổng hợp tài sản cố định (Biểu 2.10).

Biểu số 2.1: Biên bản bàn giao xe ô tô

**Công ty cổ phần ô tô Trường Hải –
Hải Phòng**
Số: 247/BB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN BÀN GIAO XE Ô TÔ

Căn cứ vào Hợp đồng bán xe số 215/HĐKT, Chúng tôi gồm:

Bên giao: **Công ty cổ phần ô tô Trường Hải – Hải Phòng**

Đại diện bên giao: Lê Thanh Đức

Giao xe tại địa điểm: Số 336 đường Hà Nội, Phường Sở Dầu, Hồng Bàng, Hải Phòng

Ngày giao xe: 01/06/2021

Bên nhận: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI ANH LỘC PHÁT - H68**

Đại diện: Nguyễn Hồng Anh

Mã số thuế: 00201777847

Địa chỉ: 12/138 Hai Bà Trưng, An Biên, Lê Chân, Hải Phòng

Điện thoại: 0986576756

Cùng tiến hành kiểm tra, đánh dấu xác nhận các phần từ 1 đến 5 và đồng ý ký vào biên bản này bàn giao cho Bên nhận một (01) xe ô tô 29 chỗ như dưới đây:

1. Xe

Model xe	Số khung	Số máy	Mã xe
TH2019	RLMGSEX3DV00489	27853678542168	312

2. Tình trạng xe

STT	Danh mục kiểm tra	Xác nhận
1	Bên ngoài xe sạch sẽ, không trầy	X
2	Bốn bánh xe mới	X

3. Trang bị theo xe (*)

STT	Tên	Xác nhận
1	Bộ dụng cụ thay lốp: con đội, tay quay, tuýp mở ốc bánh xe	X
2	Móc kéo xe	X
3	Bộ dụng cụ sửa chữa nhỏ	X
4	Bộ thảm sàn	X
5	Chụp trục bánh xe	X
6	Bánh xe dự phòng	X
7	Gạt tàn thuốc	X
8	Chụp nhựa chân ghé cuối	X

4. Bộ hồ sơ xe

Hồ sơ xe chưa đăng kí			
STT	Tên chi tiết	Bản chính	Bản sao
1	Hóa đơn GTGT của Đại lý	X	

2	Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường	X	
3	Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng	X	
4	Bản cà số khung/ Số máy	X	

Stt	Danh mục kiểm tra	Xác nhận
1	Bên trong xe sạch sẽ	X
2	Khoang động cơ sạch sẽ	X

Stt	Thiết bị đi kèm	Xác nhận
1	Bình chữa cháy	X
2	Búa thoát hiểm	X
3	Chặn bánh xe	X
4	Mùi thuốc lá	X
5	Chìa khóa cửa có khóa cửa từ xa	X
6	Khóa cửa không có khóa cửa từ xa	X
7	Sách HDSĐ xe	X
8	Sách HDSĐ đầu CD/DVD	X
9	Sổ Bảo hành	X
10	Sách An toàn	X

<i>Hồ sơ xe đã đăng kí</i>			
Stt	Tên chi tiết	Bản chính	Bản sao
1	Giấy hẹn/Giấy đăng kí ô tô	X	
2	Giấy hẹn / Sổ kiểm định	X	
3	Giấy chứng nhận bảo hiểm	X	
4	Hóa đơn đăng kiểm	X	
5	Biên lai lệ phí đăng kí	X	
6	Biên lai lệ phí trước bạ	X	

Đại diện bên giao đã giải thích kỹ những nội dung trên. Đại diện bên nhận đã nghe và xác nhận những nội dung trên.

Biên bản này được lập thành hai (02) bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ một (01) bản.

Xác nhận của bên giao xe
(Ký, ghi rõ họ tên)

Hải Phòng, Ngày 01 tháng 06 năm 2021
Xác nhận của bên nhận xe
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.2: Hóa đơn GTGT số 875

Công ty cổ phần ô tô Trường Hải – Hải Phòng					
Mã số thuế: 3600252847-032					
Địa chỉ: Số 336 đường Hà Nội, Phường Sở Dầu, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng					
Tel: (0225) 3836611, Fax: (0225) 3836611					
Số tài khoản: 0531 0099 445 4 – Vietcombank – CN Hồng Bàng - Hải Phòng					
HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG				Mẫu số: 01GTKT0/001	
Bản thể hiện của hóa đơn điện tử				Ký hiệu: AA/21E	
Ngày 01 tháng 06 năm 2021				Số: 0000875	
Họ tên người mua hàng: Nguyễn Hồng Anh					
Đơn vị mua hàng: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI ANH LỘC PHÁT - H68					
Mã số thuế: 00201777847					
Địa chỉ: 12/138 Hai Bà Trưng, An Biên, Lê Chân, Hải Phòng					
Điện thoại: 0986576756					
Số tài khoản: 5678567888. Tại Ngân hàng ACB - PGD Tô Hiệu - Hải Phòng					
Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.					
T T	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Ô tô Thaco 29 chỗ, BK: 15LD 011.55	Chiếc	1	1.723.463.636	1.723.463.636
Cộng tiền hàng					1.723.463.636
Thuế suất GTGT: 10%				Tiền thuế GTGT	172.346.346
Tổng cộng tiền thanh toán					1.895.810.000
Số tiền viết bằng chữ: <i>Một tỷ, tám trăm chín mươi lăm triệu, tám trăm mười nghìn đồng chẵn./.</i>					
Người mua hàng (Ký và ghi rõ họ, tên)			Người bán hàng (Ký và ghi rõ họ, tên)		
Ký bởi: Công ty cổ phần ô tô Trường Hải Hải Phòng Ký ngày: 01/06/2021					
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn) Đơn vị cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử: Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội (Viettel), MST: 0100109106					

(Nguồn: Phòng Kế toán - Công ty TNHH thương mại và vận tải Anh Lộc Phát - H68)

Biểu số 2.3: Ủy nhiệm chi

 <p>ỦY NHIỆM CHI PAYMENT ORDER</p>		<p>Số: 222 Ngày: 1/6/2021</p>	
<p>Số tiền: 1.895.810.000 VNĐ</p>		<p>Phí NH: <input type="checkbox"/> Phí trong <input type="checkbox"/> Phí ngoài</p>	
<p>Bằng chữ: Một tỷ, tám trăm chín mươi lăm triệu, tám trăm mười nghìn đồng chẵn. Nội dung: Thanh toán tiền mua ô tô cho Công ty cổ phần ô tô Trường Hải – Hải Phòng theo hóa đơn GTGT số 0000875 ngày 01/06/2021</p>			
<p>ĐƠN VỊ/NGƯỜI YÊU CẦU: Công ty TNHH thương mại và vận tải Anh Lộc Phát - H68 Địa chỉ: 12/138 Hai Bà Trưng, An Biên, Lê Chân, Hải Phòng Số tài khoản: 5678567888. Tại Ngân hàng: ACB - PGD Tô Hiệu - Hải Phòng</p>		<p>ĐƠN VỊ/NGƯỜI HƯỞNG: Công ty cổ phần ô tô Trường Hải – Hải Phòng Địa chỉ: Số 336 đường Hà Nội, Phường Sở Dầu, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng Số tài khoản: 0531 0099 445 4 Tại Ngân hàng: Vietcombank – CN Hồng Bàng - Hải Phòng</p>	
<p>KẾ TOÁN TRƯỞNG CHỦ TÀI KHOẢN</p>		<p>NGÂN HÀNG GỬI NGÂN HÀNG NHẬN <i>Giao dịch viên Giao dịch viên</i></p>	

(Nguồn: Phòng Kế toán - Công ty TNHH thương mại và vận tải Anh Lộc Phát - H68)

Biểu số 2.4: Giấy báo nợ



Số: 222

Mã GDV: HOADTQTO

Mã KH: 594547

GIẤY BÁO NỢ

01/06/2021

Kính gửi: **Công ty TNHH thương mại và vận tải Anh Lộc Phát - H68**

Mã số thuế: 0201777847

Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi Nợ tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi Nợ: 5678567888

Số tiền bằng số: 1.895.810.000 đồng

Số tiền bằng chữ: *Một tỷ, tám trăm chín mươi lăm triệu, tám trăm mười nghìn đồng chẵn.*

Nội dung: *## Thanh toán tiền mua ô tô cho Công ty cổ phần ô tô Trường Hải – Hải Phòng theo hóa đơn GTGT số 0000875 ngày 01/06/2021 ##*

Giao dịch viên

Kiểm soát

(Nguồn: Phòng Kế toán - Công ty TNHH thương mại và vận tải Anh Lộc Phát - H68)

Biểu số 2.5. Thẻ tài sản cố định

Công ty TNHH thương mại và vận tải Anh Lộc Phát - H68

12/138 Hai Bà Trưng, An Biên, Lê Chân, Hải Phòng

THẺ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Ngày 01 tháng 06 năm 2021

Số: 45

Căn cứ vào Biên bản bàn giao TSCĐ số 247 ngày 01 tháng 06 năm 2021.

Tên, ký hiệu, quy cách TSCĐ: Ô tô 29 chỗ BK: 15LD 011.55

Nước sản xuất: Nhật Bản Năm sản xuất: 2019

Tình trạng kỹ thuật: Mới 100%

Số khung: RLMGSEX3DV00489, Số máy 27853678542168

Bộ phận quản lý sử dụng: Bộ phận vận tải Năm sử dụng: 2021

Nguyên giá tài sản cố định			Giá trị hao mòn TSCĐ	
Năm	Diễn giải	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Cộng dồn
1/6/2021	Ô tô 15LD 011.55	1.723.463.636		
2021	Phân bổ KH TSCĐ		167.558.965	167.558.965
2022	Phân bổ KH TSCĐ		287.243.939	454.802.904
2023	Phân bổ KH TSCĐ		287.243.939	742.046.843
2024	Phân bổ KH TSCĐ		287.243.939	1.029.290.783
2025	Phân bổ KH TSCĐ		287.243.939	1.316.534.722
2026	Phân bổ KH TSCĐ		287.243.939	1.603.778.661
Đến 31/5/2027	Phân bổ KH TSCĐ		119.684.975	1.723.463.636

Ngày 01 tháng 06 năm 2021

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng Kế toán - Công ty TNHH thương mại và vận tải Anh Lộc Phát - H68)

Ví dụ 2: Ngày 27/07/2021, theo đề nghị của Phòng kinh doanh, Ô tô Grand i10 4 chỗ BK 15A 101.44 của công ty được nhượng bán cho Ông Hoàng Quốc Bản. Công ty đã họp và quyết định nhượng bán TSCĐ này.

Nguyên giá: 424.680.000đ, giá trị hao mòn lũy kế: 70.780.000đ, giá trị còn lại: 353.900.000đ, giá trị thanh lý là: 385.000.000đ, chưa có VAT10%, đã thu bằng tiền gửi ngân hàng.

Căn cứ vào Biên bản nhượng bán TSCĐ (Biểu số: 2.6), hóa đơn GTGT số 0000814 (Biểu số: 2.7) và các chứng từ kế toán có liên quan, kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (Biểu số: 2.11) đồng thời ghi sổ theo chi tiết tài sản cố định (Biểu 2.9).

Từ sổ Nhật ký chung (Biểu số: 2.11), kế toán ghi vào sổ cái TK 211 (Biểu số: 2.12), sổ cái TK 811, sổ cái TK 214.

Cuối năm, căn cứ vào sổ tài sản cố định (Biểu 2.9), kế toán lập Bảng tổng hợp tài sản cố định (Biểu 2.10).

Biểu số 2.6: Biên bản nhượng bán TSCĐ

Công ty TNHH thương mại và vận tải Anh
Lộc Phát - H68
12/138 Hai Bà Trưng, An Biên, Lê Chân, Hải
Phòng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-tự do – hạnh phúc
-----o0o-----

Hải Phòng, ngày 27 tháng 07 năm 2021

**BIÊN BẢN NHƯỢNG BÁN
TSCĐ**

Số: 01/BBNB

Căn cứ Đơn đề nghị xin nhượng bán TSCĐ ngày 25/07/2021 của Phòng Kinh doanh Công ty TNHH thương mại và vận tải Anh Lộc Phát - H68 đã được Giám đốc phê duyệt.

I. Ban nhượng bán TSCĐ bao gồm:

1. Ông: Nguyễn Dương Toàn - Giám đốc công ty- Đại diện Trưởng Ban
2. Ông: Lê Văn Vương - Kế toán Trưởng - Ủy viên
3. Ông: Lê Văn Hân - Trưởng Phòng Kinh doanh - Ủy viên
4. Bà: Ngô Thị Thủy - Kế toán TSCĐ kiểm thủ quỹ - Ủy viên

II. Tiến hành nhượng bán TSCĐ

Loại tài sản	Số lượng	Năm sử dụng	Nguyên giá TSCĐ	Hao mòn Lũy kế	Giá trị còn lại
Ô tô Grand i10 4 chỗ BK 15A 101.44	01	2020	424.680.000	70.780.000	353.900.000

III. Kết luận của Ban nhượng bán TSCĐ

-TSCĐ theo giá thị trường là 385.000.000đ, chấp nhận bán với giá 385.000.000 đồng (chưa thuế GTGT 10%).

IV. Kết quả nhượng bán

- Giá trị thu hồi: 385.000.000 đ (Ba trăm tám mươi lăm triệu đồng).
- Đã ghi giảm TSCĐ.

Ngày 27 tháng 07 năm 2021

CÁC THÀNH VIÊN

TRƯỞNG BAN

(Nguồn: Phòng Kế toán - Công ty TNHH thương mại và vận tải Anh Lộc Phát - H68)

Biểu số 2.7: Hóa đơn GTGT số 0000814

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Mẫu số: 01GTKT0/001		
Bản thể hiện của hóa đơn điện tử			Ký hiệu: AA/21E		
Ngày 27 tháng 07 năm 2021			Số: 0000814		
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI ANH LỘC PHÁT - H68					
Mã số thuế: 00201777847					
Địa chỉ: 12/138 Hai Bà Trưng, An Biên, Lê Chân, Hải Phòng					
Điện thoại: 0986576756					
Số tài khoản: 5678567888. Tại Ngân hàng ACB - PGD Tô Hiệu - Hải Phòng					
Họ tên người mua hàng: Hoàng Quốc Bân					
Tên đơn vị mua hàng:					
Mã số thuế:					
Địa chỉ: số 596 Lê Thánh Tông, Q. Lê Chân, TP. Hải Phòng					
Hình thức thanh toán: CK					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=5x4
1	Ô tô Grand i10 4 chỗ BK 15A 101.44				385.000.000
Cộng tiền hàng					385.000.000
Thuế GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT		38.500.000
Tổng cộng tiền thanh toán					423.500.000
Số tiền viết bằng chữ: <i>Bốn trăm hai mươi ba triệu, năm trăm nghìn đồng.</i>					
Người mua hàng (Ký và ghi rõ họ, tên)			Người bán hàng (Ký và ghi rõ họ, tên)		
Ký bởi: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI ANH LỘC PHÁT - H68 Ký ngày: 27/07/2021					
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)					

(Nguồn: Phòng Kế toán - Công ty TNHH thương mại và vận tải Anh Lộc Phát - H68)

Biểu 2.8: Giấy báo có



Số: 241
Mã GDV: PHUDTQTO
Mã KH: 594547

GIẤY BÁO CÓ

27/07/2021

Kính gửi: **Công ty TNHH thương mại và vận tải Anh Lộc Phát - H68**

Mã số thuế: 0201777847

Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi Có tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi Có: 5678567888

Số tiền bằng số: 423.500.000 đồng

Số tiền bằng chữ: *Bốn trăm hai mươi ba triệu, năm trăm nghìn đồng.*

Nội dung: *## Thu tiền bán ô tô cho Hoàng Quốc Ân - số 596 Lê Thánh Tông, Q. Lê Chân, TP. Hải Phòng ##*

Giao dịch viên

Kiểm soát

(Nguồn: Phòng Kế toán - Công ty TNHH thương mại và vận tải Anh Lộc Phát - H68)

Biểu số 2.9: Sổ chi tiết theo dõi tài sản cố định

Công ty TNHH thương mại và vận tải Anh Lộc Phát - H68
12/138 Hai Bà Trưng, An Biên, Lê Chân, Hải Phòng

Mẫu số S21 – DNN
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
ngày 26 tháng 08 năm 2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Loại tài sản cố định – Phương tiện vận tải, Số hiệu TK 21113

Đơn vị tính: đồng

S T T	Ghi tăng tài sản cố định						Khấu hao TSCĐ			Ghi giảm TSCĐ			
	Chứng từ		Tên TSCĐ	Nước SX	Thời gian đưa vào SD	Số hiệu TSCĐ	Nguyên giá TSCĐ	Số tháng KHTSCĐ	Mức khấu hao tháng	KH đã tính đến khi ghi giảm TS	Chứng từ		Lý do giảm TSCĐ
	SH	NT									SH	NT	
A	B	C	D	E	G	H	I	J	K	L	M	N	
1	HD219	26/07/2020	Xe ô tô 4 chỗ	Nhật Bản	2020	15A 101.44	424.680.000	72	5.898.333	70.780.000	BB 01	27/07/21	Nhường bán
2	HD368	28/09/2020	Xe 45 chỗ 01	Nhật Bản	2020	15B-033.04	1.909.090.909	72	26.515.152				
3	HD905	28/09/2020	Xe Thaco 29 chỗ 02	Việt Nam	2020	15B-040.61	1.686.363.636	72	23.421.717				
			...										
			Cộng đến 31/12/2020				7.883.816.000		90.568.754				
1	HD1012	29/12/2020	Xe Thaco 35 chỗ	Việt Nam	2021	15B-031.99	1.511.454.182	72	20.992.419				
2	HD875	29/12/2020	Xe Kona 5 chỗ	Nhật Bản	2021	15A-498.47	691.909.091	48	14.414.773				
3	HD875	01/06/2021	Xe Thaco 29 chỗ 01	Việt Nam	2021	15LD-011.55	1.723.463.636	72	23.936.995				
			...										
			Tổng cộng				18.993.841.454		215.368.453	70.780.000			

Hải phòng, ngày tháng năm

Người lập
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Đã ký)

Giám đốc
(Đã ký tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng Kế toán - Công ty TNHH thương mại và vận tải Anh Lộc Phát - H68)

Biểu số 2.10: Bảng tổng hợp tài sản cố định

Công ty TNHH thương mại và vận tải Anh Lộc Phát - H68
12/138 Hai Bà Trưng, An Biên, Lê Chân, Hải Phòng

Mẫu số S10 – DNN
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
ngày 26 tháng 08 năm 2016 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG TỔNG HỢP TÀI SẢN CỐ ĐỊNH
Năm 2021

Đơn vị tính: đồng

TT	Loại tài sản	SH TK	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh		Số dư cuối kỳ	
			Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	Phương tiện vận tải	21113	7.710.925.446	0	11.110.025.454	424.680.000	18.396.270.900	0
2	Tài sản cố định khác	21118	172.890.554		0	0	172.890.554	
	Cộng		7.883.816.000	0	11.110.025.454	424.680.000	18.569.161.454	0

Hải phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2021

Người lập
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Đã ký)

Giám đốc
(Đã ký tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng Kế toán - Công ty TNHH thương mại và vận tải Anh Lộc Phát - H68)

Biểu số 2.11: Trích sổ Nhật ký chung

Công ty TNHH thương mại và vận tải
Anh Lộc Phát - H68
 12/138 Hai Bà Trưng, An Biên, Lê Chân, Hải Phòng

Mẫu số S03a – DNN
 ((Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
 ngày 26 tháng 08 năm 2016 của Bộ trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2021

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			...			
01/06	HĐ 875 BN222	01/06	Mua ô tô 29 chỗ của Công ty cổ phần ô tô Trường Hải	211 133 112	1.723.463.636 172.346.364	1.895.810.000
			...			
03/07	HĐ785	03/07	Cước vận chuyển cho Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hồng Lĩnh.	131 511 333	36.500.000	33.181.818 3.318.182
			...			
27/7	BBNB 01	27/7	Nhượng bán Ô tô Grand i10 4 chỗ BK 15A 101.44	214 811 211	70.780.000 353.900.000	424.680.000
27/7	HĐ 814 BC241	27/7	Thu từ nhượng bán Ô tô Grand i10 4 chỗ BK 15A 101.44	112 711 333	423.500.000	385.000.000 38.500.000
			...			
17/12	PC417 HĐ502	17/12	Chi tiếp khách	642 133 111	5.120.000 512.000	5.632.000
			...			
18/12	PC418 HĐ4114	18/12	Chi phí sửa xe ô tô 15A 531.10	642 133 111	8.650.000 865.000	9.515.000
			...			
31/12	KH 12	31/12	Khấu hao TSCĐ tháng 12/2021	154 642 214	179.640.033 24.256.410	203.896.443
			...			
			Cộng phát sinh		137.267.695.975	137.267.695.975

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2021

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng Kế toán - Công ty TNHH thương mại và vận tải Anh Lộc Phát - H68)

Biểu số 2.12: Trích sổ cái TK 211

Công ty TNHH thương mại và vận tải
Anh Lộc Phát - H68
 12/138 Hai Bà Trưng, An Biên, Lê Chân, Hải Phòng

Mẫu số S03b – DNN
 ((Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
 ngày 26 tháng 08 năm 2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Tài sản cố định
 Số hiệu: 211
 Năm 2021

Đơn vị: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu năm		7.883.816.000	
			Số phát sinh			
				
01/06	HD 875 BN222	01/06	Mua ô tô 29 chỗ của Công ty cổ phần ô tô Trường Hải	112	1.723.463.636	
			...			
27/7	BBNB 01	27/7	Nhượng bán Ô tô Grand i10 4 chỗ BK 15A 101.44 cho ông Hoàng Quốc Bân	214 811		70.780.000 353.900.000
			...			
			Cộng phát sinh năm		11.110.025.454	424.680.000
			Số dư cuối kỳ		18.569.161.454	

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2021

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng Kế toán - Công ty TNHH thương mại và vận tải Anh Lộc Phát - H68)

2.2.3. Kế toán khấu hao tài sản cố định tại Công ty TNHH thương mại và vận tải Anh Lộc Phát - H68

Hiện nay, Công ty TNHH thương mại và vận tải Anh Lộc Phát - H68 đang áp dụng phương pháp trích khấu hao theo đường thẳng (hay còn được gọi là khấu hao đều hoặc khấu hao tuyến tính) đối với các tài sản cố định doanh nghiệp quản lý. Phương pháp này được quy định trong nội dung của Thông tư 133/2016/TT-BTC của Bộ tài chính ban hành chế độ quản lý và trích khấu hao tài sản cố định.

Xác định mức trích khấu hao hàng năm (cho những năm còn lại của tài sản cố định) như sau:

$$\text{Mức trích khấu hao trung bình năm của TSCĐ} = \frac{\text{Nguyên giá của TSCĐ}}{\text{Năm sử dụng}}$$

Xác định mức trích khấu hao bình quân hàng tháng cho TSCĐ như sau:

$$\text{Mức trích khấu hao trung bình hàng tháng TSCĐ} = \frac{\text{Mức trích khấu hao cả năm}}{12 \text{ tháng}}$$

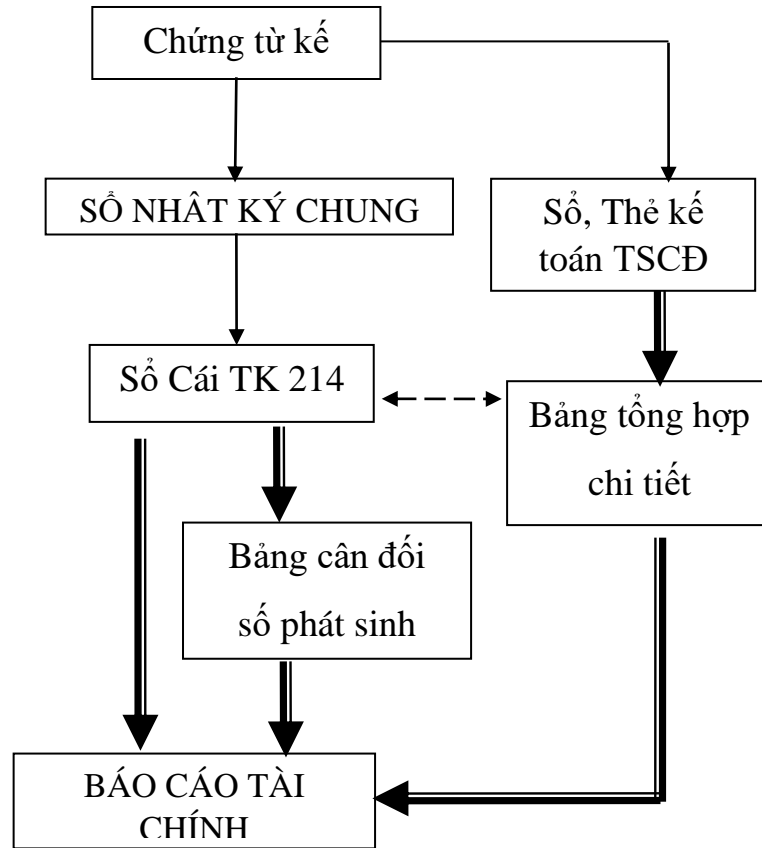
❖ Chứng từ sử dụng

Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ, biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các chứng từ khác có liên quan.

❖ Tài khoản sử dụng

- TK 214, 154, 642.

❖ Quy trình hạch toán



Ghi chú:
 Ghi hàng ngày \longrightarrow
 Ghi định kỳ \Longrightarrow
 Đối chiếu \longleftrightarrow

Ví dụ: Ngày 01/06/2021, Công ty mua ô tô 29 chỗ ngồi của Công ty cổ phần ô tô Trường Hải – Chi nhánh Hải Phòng, giá mua có cả VAT 10% là 1.895.810.000 đồng, Công ty thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng. Tài sản được đầu tư bằng nguồn vốn kinh doanh.

Tài sản này được đưa vào sử dụng ngày 01/06/2021 và theo quy định của công ty, kế toán bắt đầu tính khấu hao từ ngày 01/06/2021

Nguyên giá tài sản cố định = 1.723.463.646 đồng.

Mức trích KH trung bình năm = $1.723.463.646/6 = 287.243.939$ đồng/năm

Mức trích KH trung bình tháng = $287.243.939/12 = 23.936.995$ đồng/tháng.

Do tháng 6 tài sản mua về và sử dụng từ đầu tháng nên

Mức trích KH tháng 6 = 23.936.995 đồng.

Biểu số 2.13: Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ

Công ty TNHH thương mại và vận tải Anh Lộc Phát - H68

12/138 Hai Bà Trưng, An Biên, Lê Chân, Hải Phòng

BẢNG PHÂN BỐ KHẤU HAO TSCĐ

Tháng 06 năm 2021

Đơn vị tính: đồng

TT	Tên TSCĐ	Mã TSCĐ	Bộ phận sử dụng	Nguyên giá	Số tháng KH	Mức KH tháng	Tài khoản ghi nợ			Ghi chú
							TK 154	TK 642	Cộng	
	...									
2	15A-531.10	Xe Toyota 5 chỗ	Văn phòng	568.400.000	48	11.841.667		11.841.667	11.841.667	
	Cộng			1.260.309.091		26.256.439	0	26.256.439	26.256.439	
1	15B-033.04	Xe 45 chỗ 01	Đội xe	1.909.090.909	72	26.515.152	26.515.152		26.515.152	
2	15B-035.52	Xe 45 chỗ 02	Đội xe	2.462.090.909	72	34.195.707	34.195.707		34.195.707	
	...									
15	15B-031.99	Xe Thaco 35 chỗ	Đội xe	1.511.454.182	72	20.992.419	20.992.419		20.992.419	
	...									
31	15LD-011.55	Xe Thaco 29 chỗ 01	Đội xe	1.723.463.636	72	23.936.995	23.936.995		23.936.995	
32	15B-040.61	Xe Thaco 29 chỗ 02	Đội xe	1.686.363.636	72	23.421.717	23.421.717		23.421.717	
	...									
38	15B-033.77	Xe 16 chỗ 01	Đội xe	915.154.545	72	12.710.480	12.710.480		12.710.480	
	...									
	Cộng			15.624.578.120		167.520.548	167.520.548	0	167.520.548	
	Tổng cộng			16.884.887.211		193.776.987	167.520.548	26.256.439	193.776.987	

Hải phòng, ngày 30 tháng 06 năm 2021

Người lập
(Đã ký)

Kê toán trưởng
(Đã ký)

Giám đốc
(Đã ký tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng Kế toán - Công ty TNHH thương mại và vận tải Anh Lộc Phát - H68)

Biểu số 2.14: Trích sổ Nhật ký chung

Công ty TNHH thương mại và vận tải
Anh Lộc Phát - H68
 12/138 Hai Bà Trưng, An Biên, Lê Chân, Hải Phòng

Mẫu số S03a – DNN
 ((Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
 ngày 26 tháng 08 năm 2016 của Bộ trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2021

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			...			
01/06	HĐ 875 BN222	01/06	Mua ô tô 29 chỗ của Công ty cổ phần ô tô Trường Hải	211 133 112	1.723.463.636 172.346.364	1.895.810.000
			...			
30/06	KH 06	30/06	Khấu hao TSCĐ tháng 12/2021	154 642 214	167.520.548 26.256.439	193.776.987
			...			
03/07	HĐ785	03/07	Cước vận chuyển cho Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hồng Lĩnh.	131 511 333	36.500.000	33.181.818 3.318.182
			...			
27/7	BBNB 01	27/7	Nhượng bán Ô tô Grand i10 4 chỗ BK 15A 101.44	214 811 211	70.780.000 353.900.000	424.680.000
27/7	HĐ 814 BC241	27/7	Thu từ nhượng bán Ô tô Grand i10 4 chỗ BK 15A 101.44	112 711 333	423.500.000	385.000.000 38.500.000
			...			
17/12	PC417 HĐ502	17/12	Chi tiếp khách	642 133 111	5.120.000 512.000	5.632.000
			...			
18/12	PC418 HĐ4114	18/12	Chi phí sửa xe ô tô 15A 531.10	642 133 111	8.650.000 865.000	9.515.000
			...			
31/12	KH 12	31/12	Khấu hao TSCĐ tháng 12/2021	154 642 214	179.640.033 24.256.410	203.896.443
			...			
			Cộng phát sinh		137.267.695.975	137.267.695.975

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2021

Người lập biểu
 (Ký, họ tên)
 (Nguồn: Phòng Kế toán - Công ty TNHH thương mại và vận tải Anh Lộc Phát - H68)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Giám đốc
 (Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.15: Trích sổ Cái TK 214

Công ty TNHH thương mại và vận tải
Anh Lộc Phát - H68
 12/138 Hai Bà Trưng, An Biên, Lê Chân, Hải Phòng

Mẫu số S03b – DNN
 ((Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
 ngày 26 tháng 08 năm 2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Hao mòn TSCĐ

Số hiệu: 214

Năm 2021

Đơn vị: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			587.783.572
			Số phát sinh			
			...			
31/05	KH 05	31/05	Trích khấu hao TSCĐ tháng 5	154 642		144.558.425 26.256.439
30/06	KH 06	30/06	Trích khấu hao TSCĐ tháng 6	154 642		167.520.548 26.256.439
27/7	BBNB 01	27/7	Nhượng bán Ô tô Grand i10 4 chỗ BK 15A 101.44	211	70.780.000	
			...			
31/12	KH 12	31/12	Khấu hao TSCĐ tháng 12/2021	154 642		179.640.033 24.256.410
			Cộng phát sinh năm		70.780.000	2.182.551.319
			Số dư cuối kỳ			2.699.554.891

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2021

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng Kế toán - Công ty TNHH thương mại và vận tải Anh Lộc Phát - H68)

2.2.5 Kế toán sửa chữa tài sản cố định tại Công ty TNHH thương mại và vận tải Anh Lộc Phát - H68

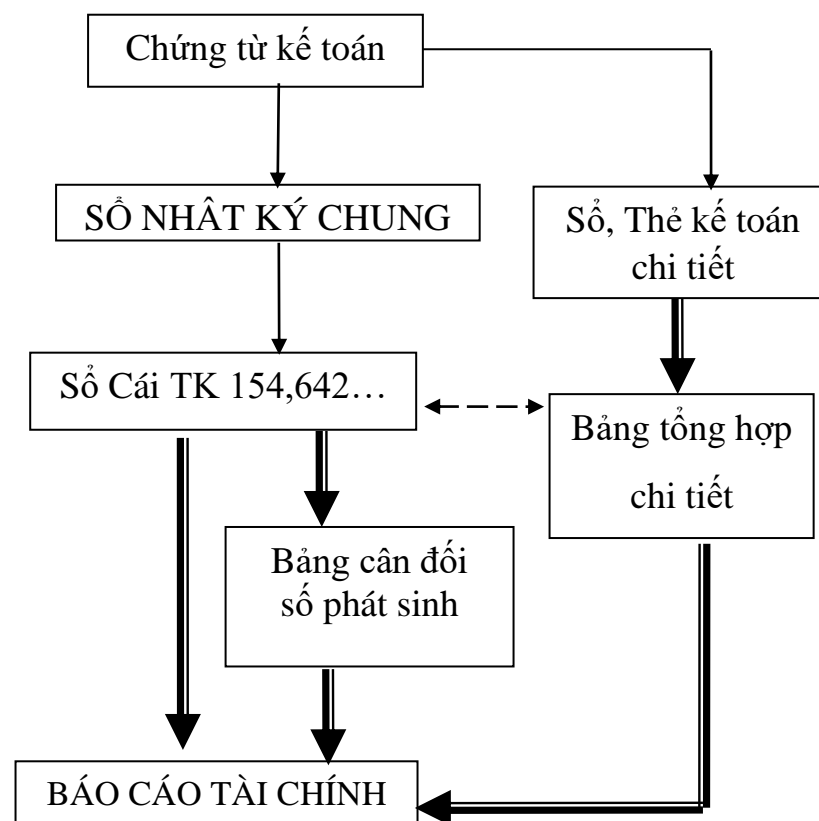
Kế toán sửa chữa thường xuyên TSCĐ tại công ty thường phát sinh tương đối đều đặn, giá trị thấp nên kế toán phản ánh trực tiếp vào chi phí SXKD trong kỳ hạch toán. Công ty có thể tự sửa đổi với những trường hợp hỏng hóc đơn giản. Trong trường hợp không tự sửa được công ty sẽ đi thuê ngoài. Trong kỳ công ty không thực hiện trích trước cũng như xây dựng kế hoạch sửa chữa lớn tài sản cố định.

❖ *Chứng từ sử dụng*

- Bảng tính lương công nhân viên sửa chữa thường xuyên TSCĐ.
- Phiếu chi, HĐGTGT.

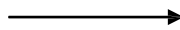
❖ *Tài khoản sử dụng: TK 154, 642, 331, ...*

❖ *Quy trình hạch toán*



Ghichú:

Ghi hàng ngày



Ghi định kỳ



Đối chiếu



Ví dụ: Ngày 18/12/2021, Do xe hỏng dọc đường nên lái xe xin ý kiến Giám đốc sửa ngay tại nơi hỏng. Theo hóa đơn GTGT số 0004114, Công ty TNHH MTV Sửa chữa Ô tô Hải Phòng sửa ô tô cho công ty với trị giá chưa bao gồm thuế GTGT 10%: 8.650.000 đồng, thanh toán ngay bằng tiền mặt.

Căn cứ vào hóa đơn số 0004114 (Biểu số: 2.16), Phiếu chi (Biểu số: 2.18) và các chứng từ có liên quan, kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (Biểu số: 2.19). Thủ quỹ căn cứ vào phiếu chi ghi vào sổ quỹ tiền mặt. Từ sổ Nhật ký chung (Biểu số: 2.19), kế toán ghi vào sổ cái TK 642 (Biểu số: 2.20), sổ cái TK 111 và sổ cái TK 133

Biểu số 2.16: Hóa đơn giá trị gia tăng số 0004114

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Mẫu số: 01GTKT0/001		
Bản thể hiện của hóa đơn điện tử			Ký hiệu: AA/21E		
Ngày 18 tháng 12 năm 2021			Số: 0004114		
Tên đơn vị: Công ty TNHH MTV Sửa chữa Ô tô Hải Phòng Mã số thuế: 0201568603 Địa chỉ: Lô KB2.5, KCN Đình Vũ, Đông Hải 2, Quận Hải An, Hải Phòng Số tài khoản: 034 01 01 000087 1- TMCP Hàng Hải - CN Ngô Quyền - Hải Phòng					
Họ tên người mua hàng: Nguyễn Hồng Anh Đơn vị mua hàng: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI ANH LỘC PHÁT - H68 Mã số thuế: 00201777847 Địa chỉ: 12/138 Hai Bà Trưng, An Biên, Lê Chân, Hải Phòng Điện thoại: 0986576756 Số tài khoản: 5678567888. Tại Ngân hàng ACB - PGD Tô Hiệu - Hải Phòng Hình thức thanh toán: TM/CK.					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=5x4
1	Sửa chữa xe Toyota 15A -531.10				8.650.000
Cộng tiền hàng					8.650.000
Thuế GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT		865.000
Tổng cộng tiền thanh toán					9.515.000
Số tiền viết bằng chữ: Chín triệu, năm trăm mười lăm nghìn đồng chẵn.					
Người mua hàng (Ký và ghi rõ họ, tên)			Người bán hàng (Ký và ghi rõ họ, tên)		
Ký bởi: Công ty TNHH MTV Sửa chữa Ô tô Hải Phòng Ký ngày: 18/12/2021					
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn) Đơn vị cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử: Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel), MST: 0100109106					

(Nguồn: Phòng Kế toán - Công ty TNHH thương mại và vận tải Anh Lộc Phát - H68)

Biểu số 2.17: Bảng kê chi phí sửa chữa xe ô tô

CÔNG TY TNHH MTV SỬA CHỮA Ô TÔ HẢI PHÒNG					
Mã số thuế: 0201568603					
Địa chỉ: Lô KB2.5, KCN Đình Vũ, Đông Hải 2, Quận Hải An, Hải Phòng					
Điện thoại: 0225 3944745					
Số tài khoản: 034 01 01 000087 1-TMCP Hàng Hải - PGD Ngô Quyền – Hải Phòng					
BẢNG KÊ CHI PHÍ SỬA CHỮA Ô TÔ					
<i>Hải phòng, ngày 18 tháng 12 năm 2021</i>					
Biển số: 15A – 531.10					
Nhãn hiệu xe: Toyota					
Chủ xe: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI ANH LỘC PHÁT - H68					
Địa chỉ: 12/138 Hai Bà Trưng, An Biên, Lê Chân, Hải Phòng					
TT	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=5x4
1	Dầu trợ lực	Hộp	1	250.000	250.000
2	Cao su đuôi cang	Cục	2	90.000	180.000
3	Dây cam	Sợi	2	450.000	700.000
4	Phanh	bộ	1	1.550.000	1.550.000
5	Dây cô roa	Sợi	1	200.000	200.000
6	Bi tăng cam	Vòng	2	275.000	550.000
7	Lọc xăng	Cái	1	120.000	120.000
8	Cao su lát	Cái	1	150.000	150.000
9	Bi máy ơ	Vòng	2	250.000	500.000
10	Lốp O'Green 1200R20 AG168-18PR	Chiếc	1	3.750.000	3.750.000
11	Công thợ				700.000
Cộng tiền (chưa VAT 10%)					8.650.000
Thuế GTGT 10%:					865.000
Số tiền phải thanh toán:					9.515.000
Số tiền viết bằng chữ: Chín triệu, năm trăm mười lăm nghìn đồng.					
Chủ xe (ký, ghi rõ họ tên)		Thợ sửa (ký, ghi rõ họ tên)		Phụ trách bộ phận (ký, ghi rõ họ tên)	

(Nguồn: Phòng Kế toán - Công ty TNHH thương mại và vận tải Anh Lộc Phát - H68)

Biểu số 2.18: Phiếu chi số 418

Công ty TNHH thương mại và vận tải Anh Lộc Phát-H68
12/138 Hai Bà Trưng, An Biên, Lê Chân, Hải Phòng

Mã số: 02 - TT
(Ban hành theo TT 133/2016/TT- BTC
Ngày 26/8/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 18 tháng 12 năm 2021

Số: 418

Nợ TK 642: 8.650.000

Nợ TK 133: 865.000

Có TK 111: 9.515.000

Họ và tên người nhận tiền: Nguyễn Văn Hùng

Địa chỉ: Phòng Kinh doanh

Lý do chi: Thanh toán tiền sửa chữa xe Toyota 15A -531.10

Số tiền: 9.515.000 đồng

Viết bằng chữ: *Chín triệu, năm trăm mười lăm nghìn đồng.*

Kèm theo: Chứng từ gốc.

Ngày 18 tháng 12 năm 2021

Giám đốc	Kế toán trưởng	Thủ quỹ	Người lập phiếu	Người nhận tiền
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

+ Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): *Chín triệu, năm trăm mười lăm nghìn đồng.*

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý).....

+ Số tiền quy đổi.....

(Nguồn: Phòng Kế toán - Công ty TNHH thương mại và vận tải Anh Lộc Phát - H68)

Biểu số 2.19: Trích sổ Nhật ký chung

Công ty TNHH thương mại và vận tải
Anh Lộc Phát - H68
 12/138 Hai Bà Trưng, An Biên, Lê Chân, Hải Phòng

Mẫu số S03a – DNN
 ((Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
 ngày 26 tháng 08 năm 2016 của Bộ trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2021

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			...			
01/06	HĐ 875 BN222	01/06	Mua ô tô 29 chỗ của Công ty cổ phần ô tô Trường Hải	211 133 112	1.723.463.636 172.346.364	1.895.810.000
			...			
03/07	HĐ785	03/07	Cước vận chuyển cho Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hồng Lĩnh.	131 511 333	36.500.000	33.181.818 3.318.182
			...			
27/7	BBNB 01	27/7	Nhượng bán Ô tô Grand i10 4 chỗ BK 15A 101.44	214 811 211	70.780.000 353.900.000	424.680.000
27/7	HĐ 814 BC241	27/7	Thu từ nhượng bán Ô tô Grand i10 4 chỗ BK 15A 101.44	112 711 333	423.500.000	385.000.000 38.500.000
			...			
17/12	PC417 HĐ502	17/12	Chi tiếp khách	642 133 111	5.120.000 512.000	5.632.000
			...			
18/12	PC418 HĐ4114	18/12	Chi phí sửa xe ô tô 15A 531.10	642 133 111	8.650.000 865.000	9.515.000
			...			
31/12	KH 12	31/12	Khấu hao TSCĐ tháng 12/2021	154 642 214	179.640.033 24.256.410	203.896.443
			...			
			Cộng phát sinh		137.267.695.975	137.267.695.975

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2021

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng Kế toán - Công ty TNHH thương mại và vận tải Anh Lộc Phát - H68)

Biểu số 2.20: Trích sổ Cái TK 642

Công ty TNHH thương mại và vận tải
Anh Lộc Phát - H68
 12/138 Hai Bà Trưng, An Biên, Lê Chân, Hải Phòng

Mẫu số S03b – DNN
 ((Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
 ngày 26 tháng 08 năm 2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Chi phí Quản lý Kinh doanh
 Số hiệu: 642
 Năm 2021

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			
			Số phát sinh			
				
30/6	KH 06	30/6	Trích khấu hao TSCĐ tháng 6	214	26.256.439	
			...			
31/07	KH 07	31/07	Trích khấu hao TSCĐ tháng 7	214	20.256.501	
			...			
17/12	PC417 HĐ502	17/12	Chi tiếp khách	111	5.120.000	
18/12	PC418 HĐ4114	18/12	Chi phí sửa xe ô tô 15A 531.10	111	8.650.000	
			...			
31/12	KH 12	31/12	Trích khấu hao TSCĐ tháng 12	214	24.256.410	
			...			
31/12	PKT20	31/12	Kết chuyển CPQLKD	911		1.884.412.209
			Cộng phát sinh năm		1.884.412.209	1.884.412.209
			Số dư cuối kỳ			

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2021

Người lập biểu
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Giám đốc
 (Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng Kế toán - Công ty TNHH thương mại và vận tải Anh Lộc Phát - H68)

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ Ý KIẾN ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI ANH LỘC PHÁT - H68

Hiện nay đất nước ta đang phát triển theo định hướng nền kinh tế công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Vì vậy, vai trò kế toán càng trở nên quan trọng và trở thành một công cụ không thể thiếu trong quản lý kinh tế nhà nước và của mọi doanh nghiệp. Kế toán được sử dụng như một công cụ sắc bén và có hiệu quả hoạt động kinh doanh của các đơn vị.

Trong nhiều năm nay, Chính sách liên quan đến kế toán tài sản cố định của nước ta không ngừng được sửa đổi và hoàn thiện. Chế độ tài sản cố định mới ra đời nhằm hoàn thiện việc trả quản lý tài sản cố định để phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh và trình độ quản lý kinh tế trong từng thời kỳ. Vì thế kế toán tài sản cố định ở doanh nghiệp nói chung và Công ty nói riêng cũng phải được nghiên cứu và hoàn thiện để đáp ứng nhu cầu hoạt động kinh doanh và quản lý kinh tế trong từng thời kỳ.

3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán tại công ty

Qua thời gian tìm hiểu thực tế về công tác kế toán nói chung, cách tính và cách hạch toán tài sản cố định ở Công ty TNHH thương mại và vận tải Anh Lộc Phát - H68. Nhìn chung công ty đã thực hiện tốt theo chính sách của Nhà nước nhưng bên cạnh đó còn một số hạn chế cần khắc phục để công tác kế toán tài sản cố định của công ty ngày càng hiệu quả hơn.

3.1.1 Ưu điểm

** Về công tác kế toán nói chung*

- Tổ chức bộ máy quản lý: Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý phù hợp với đặc điểm và quy mô hoạt động của doanh nghiệp vừa và nhỏ. Các phòng ban được quy định rõ chức năng, nhiệm vụ và thực hiện tốt các yêu cầu quản lý, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, tiết kiệm chi phí và sử dụng lao động có hiệu quả cho công ty.

- Bộ máy kế toán: Bộ máy kế toán của Công ty được tổ chức theo mô hình tập trung nhằm thực hiện chức năng kiểm tra giám sát đầy đủ và chặt chẽ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh phù hợp với tình hình thực tế của công ty. Bộ máy kế toán đã thể hiện rõ vai trò quan trọng của mình trong tham mưu cho các nhà quản lý trong việc tạo ra các quyết định kinh tế. Với mô hình tổ chức này, năng lực của kế toán viên được khai thác một cách hiệu quả đồng thời hạn chế việc tiêu hao công sức nhưng vẫn đảm bảo công việc được giao.

- Về hình thức kế toán: Công ty áp dụng theo hình thức “Nhật ký chung”, đây là hình thức kế toán đơn giản, phổ biến, phù hợp với hoạt động kinh doanh diễn ra tại công ty. Đồng thời, các nghiệp vụ kế toán phát sinh được phản ánh rõ ràng trên sổ Nhật ký chung, các sổ cái và sổ chi tiết theo trình tự thời gian giúp thông tin kế toán được cập nhật thường xuyên và đầy đủ.

- Về hệ thống chứng từ, tài khoản và báo cáo tài chính

+ Các chứng từ sử dụng cho việc hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, đúng với mẫu do Bộ tài chính quy định theo thông tư số 133/2016/TT-BTC. Quy trình luân chuyển chứng từ khá nhanh chóng, kịp thời.

+ Công ty TNHH thương mại và vận tải Anh Lộc Phát - H68 sử dụng những tài khoản trong hệ thống tài khoản ban hành theo thông tư số 133/2016/TT-BTC là phù hợp với chế độ kế toán công ty đang áp dụng.

- Về công tác hạch toán kế toán TSCĐ nói riêng

+ *Kế toán tổng hợp TSCĐ*: Kế toán tổng hợp TSCĐ không chỉ đảm bảo được tính đầy đủ về mặt nội dung và sự khoa học trong cách trình bày và báo cáo đã giúp cho các nhà quản lý nắm bắt được tình hình sử dụng TSCĐ trong Công ty một cách chi tiết, đúng đắn nhằm đưa ra các quyết định sáng suốt trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

+ *Công tác quản lý TSCĐ*: Tài sản cố định được công ty kiểm kê, đánh giá vào thời điểm cuối năm. Việc này giúp cho công ty có khả năng kiểm soát được tình hình hiện trạng của TSCĐ đang được sử dụng tại công ty. Căn cứ vào kết quả kiểm kê hàng năm, công ty đã có những biện pháp giải quyết kịp thời.

Ngoài ra việc kiểm kê giúp cho các nhà quản lý định ra được phương hướng đầu tư vào TSCĐ cũng như việc đề ra những biện pháp thích hợp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng TSCĐ.

+ *Công tác theo dõi và tính khấu hao TSCĐ*: Kế toán TSCĐ đã lựa chọn phương thức khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng không chỉ đơn giản dễ thực hiện mà còn phù hợp với tính chất ổn định trong hoạt động của doanh nghiệp.

3.1.2 Hạn chế

Trong việc hạch toán chi tiết TSCĐ Công ty đã thực hiện tương đối đầy đủ các quy định về chứng từ kế toán, tuy nhiên vẫn còn tồn tại một số mặt sau:

- *Về việc phân bổ chi phí*: đối với những khoản chi phí phát sinh có giá trị tương đối lớn và có liên quan đến nhiều kỳ kinh doanh như chi phí sắm laptop... Công ty không tiến hành phân bổ làm nhiều kỳ nên làm cho việc phản ánh chi phí giữa các kỳ, cũng như xác định kết quả kinh doanh trong kỳ không chính xác.

- *Về công tác sửa chữa lớn tài sản cố định*: Công ty có rất nhiều phương tiện vận tải nhưng hàng năm công ty không xây dựng kế hoạch sửa chữa lớn tài sản cố định mà chỉ đến khi tài sản cố định hỏng công ty mới tiến hành sửa chữa. Điều này làm cho quá trình cung cấp dịch vụ vận tải của công ty có thể bị gián đoạn do hư hỏng.

- *Về hệ thống sổ kế toán theo dõi chi tiết tài sản cố định*: Hiện nay, công ty đã mở hệ thống sổ kế toán để theo dõi tài sản cố định. Tuy nhiên thông tin trên sổ tài sản cố định không thể hiện được tổng số giá trị tài sản cố định tăng giảm trong kì nên khó đối chiếu số liệu với kế toán tổng hợp.

- *Về công tác luân chuyển chứng từ*: nhìn chung chứng từ luân chuyển trong công ty còn chậm ảnh hưởng đến tốc độ hạch toán kế toán tại doanh nghiệp, dẫn đến công việc bị dồn vào cuối kỳ. Việc chứng từ luân chuyển chậm.

- *Về công tác ghi chép sổ sách kế toán*: Mọi sổ sách của công ty đều làm thủ công, việc ghi chép trên Excel và theo dõi rất mất thời gian, hơn nữa công tác lưu trữ cũng sẽ gặp không ít khó khăn. Trong khi đó trình độ kế toán trong

công ty lại không đồng đều rất dễ dẫn đến việc sai sót và có thể gây ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp.

3.2. Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán tài sản cố định tại Công ty TNHH thương mại và vận tải Anh Lộc Phát - H68.

3.2.1. Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện công tác kế toán tài sản cố định tại công ty

Để có thể hoàn thiện công tác kế toán TSCĐ tại Công ty TNHH thương mại và vận tải Anh Lộc Phát - H68 thì các phương hướng và ý kiến đưa ra phải đảm bảo một số yêu cầu sau:

- Hoàn thiện công tác kế toán phải được thực hiện dựa trên cơ sở tuân thủ các chính sách kinh tế của Nhà nước nói chung và chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán do Bộ tài chính ban hành. Nhà nước quản lý nền kinh tế thông qua các công cụ kinh tế vĩ mô, để có thể tồn tại và phát triển thì doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh phải chấp hành đầy đủ các quy định nhà nước ban hành.

- Công tác kế toán cần đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời, đầy đủ và chính xác cho nhà quản lý, không để xảy ra tình trạng thông tin bị dồn ứ không cung cấp kịp thời cho nhu cầu quản trị trong nội bộ công ty cũng như những đối tượng quan tâm khác. Đây là căn cứ để thuyết phục các chủ đầu tư và các ngân hàng. Những thông tin tốt, sát với thực tế của doanh nghiệp sẽ giúp công ty có được những thành công trong tương lai.

- Việc cung cấp thông tin kế toán kịp thời là rất quan trọng những cũng không vì thế mà kế toán có thể đưa ra các thông tin thiếu chính xác. Các thông tin như vậy sẽ không thực sự có giá trị trong việc ra quyết định. Do vậy việc hoàn thiện công tác kế toán không chỉ đảm bảo tính kịp thời mà cả tính chính xác của thông tin kế toán.

Hoàn thiện công tác kế toán TSCĐ phải hướng tới những tiện ích mà máy tính và phần mềm kế toán máy đem lại để nâng cao năng suất lao động và hiệu quả làm việc, giúp cho doanh nghiệp giảm bớt chi phí và đạt kết quả nhanh chóng hơn

3.2.2. Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán tài sản cố định tại Công ty TNHH thương mại và vận tải Anh Lộc Phát - H68

Nhìn chung, công tác kế toán của Công ty có nhiều ưu điểm và tính phù hợp cao đã đem lại hiệu quả, song vẫn còn tồn tại một số hạn chế làm cho công tác kế toán chưa thực sự hoàn thiện.

Trên cơ sở những thực tế còn tồn tại, em xin có một số ý kiến đóng góp dưới đây nhằm góp phần nhỏ vào việc hoàn thiện về công tác kế toán tài sản cố định ở Công ty TNHH thương mại và vận tải Anh Lộc Phát - H68.

❖ **Ý kiến thứ nhất: Hoàn thiện về cách phân bổ chi phí:**

Đối với những khoản chi phí phát sinh có giá trị tương đối lớn và liên quan đến nhiều kỳ kinh doanh công ty nên tiến hành phân bổ làm nhiều kỳ để đảm bảo nguyên tắc phù hợp của kế toán.

Ví dụ: Ngày 18/12/2021, theo hóa đơn GTGT số 0004114, Công ty TNHH MTV Sửa chữa Ô tô Hải Phòng sửa ô tô cho công ty với trị giá chưa bao gồm thuế GTGT 10%: 8.650.000 đồng, thanh toán bằng tiền mặt.

Biểu số 3.1: Hóa đơn giá trị gia tăng số 0004114

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Mẫu số: 01GTKT0/001		
Bản thể hiện của hóa đơn điện tử			Ký hiệu: AA/21E		
Ngày 18 tháng 12 năm 2021			Số: 0004114		
Tên đơn vị: Công ty TNHH MTV Sửa chữa Ô tô Hải Phòng Mã số thuế: 0201568603 Địa chỉ: Lô KB2.5, KCN Đình Vũ, Đông Hải 2, Quận Hải An, Hải Phòng Số tài khoản: 034 01 01 000087 1- TMCP Hàng Hải - CN Ngô Quyền - Hải Phòng					
Họ tên người mua hàng: Nguyễn Hồng Anh Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI ANH LỘC PHÁT - H68 Mã số thuế: 00201777847 Địa chỉ: 12/138 Hai Bà Trưng, An Biên, Lê Chân, Hải Phòng Điện thoại: 0986576756 Số tài khoản: 5678567888. Tại Ngân hàng ACB - PGD Tô Hiệu - Hải Phòng Hình thức thanh toán: TM/CK.					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=5x4
1	Sửa chữa xe Toyota 15A -531.10				8.650.000
Cộng tiền hàng					8.650.000
Thuế GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT		865.000
Tổng cộng tiền thanh toán					9.515.000
Số tiền viết bằng chữ: Chín triệu, năm trăm mười lăm nghìn đồng chẵn.					
Người mua hàng (Ký và ghi rõ họ, tên)			Người bán hàng (Ký và ghi rõ họ, tên)		
			Ký bởi: Công ty TNHH MTV Sửa chữa Ô tô Hải Phòng Ký ngày: 18/12/2021		
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn) Đơn vị cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử: Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel), MST: 0100109106					

(Nguồn: Phòng Kế toán - Công ty TNHH thương mại và vận tải Anh Lộc Phát - H68)

Biểu số 3.2: Bảng kê chi phí sửa chữa xe ô tô

CÔNG TY TNHH MTV SỬA CHỮA Ô TÔ HẢI PHÒNG					
Mã số thuế: 0201568603					
Địa chỉ: Lô KB2.5, KCN Đình Vũ, Đông Hải 2, Quận Hải An, Hải Phòng					
Điện thoại: 0225 3944745					
Số tài khoản: 034 01 01 000087 1-TMCP Hàng Hải - PGD Ngô Quyền – Hải Phòng					
BẢNG KÊ CHI PHÍ SỬA CHỮA Ô TÔ					
<i>Hải phòng, ngày 18 tháng 12 năm 2021</i>					
Biển số: 15A – 531.10					
Nhãn hiệu xe: Toyota					
Chủ xe: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI ANH LỘC PHÁT - H68					
Địa chỉ: 12/138 Hai Bà Trưng, An Biên, Lê Chân, Hải Phòng					
TT	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=5x4
1	Dầu trợ lực	Hộp	1	250.000	250.000
2	Cao su đuôi càng	Cục	2	90.000	180.000
3	Dây cam	Sợi	2	450.000	700.000
4	Phanh	bộ	1	1.550.000	1.550.000
5	Dây cô roa	Sợi	1	200.000	200.000
6	Bi tăng cam	Vòng	2	275.000	550.000
7	Lọc xăng	Cái	1	120.000	120.000
8	Cao su lát	Cái	1	150.000	150.000
9	Bi máy ơ	Vòng	2	250.000	500.000
10	Lốp O'Green 1200R20 AG168-18PR	Chiếc	1	3.750.000	3.750.000
11	Công thợ				700.000
Cộng tiền (chưa VAT 10%)					8.650.000
Thuế GTGT 10%:					865.000
Số tiền phải thanh toán:					9.515.000
Số tiền viết bằng chữ: Chín triệu, năm trăm mười lăm nghìn đồng.					
Chủ xe <i>(ký, ghi rõ họ tên)</i>		Thợ sửa <i>(ký, ghi rõ họ tên)</i>		Phụ trách bộ phận <i>(ký, ghi rõ họ tên)</i>	

(Nguồn: Phòng Kế toán - Công ty TNHH thương mại và vận tải Anh Lộc Phát - H68)

Như vậy, theo số liệu từ những chứng từ trên ta thấy chi phí thay Lốp O'Green 1200R20 AG168-18PR có giá trị tương đối lớn, thời gian sử dụng thường 2 năm công ty nên phân bổ dần cho hai năm còn các chi phí khác phát sinh nhỏ nên được tính vào chi phí của kỳ này.

Vậy căn cứ vào chứng từ trên, kế toán ghi vào sổ sách theo định khoản sau:

Nợ TK 642 4.900.000

Nợ TK 242 3.750.000

Nợ TK 133 865.000

Có TK 111 9.515.000

Phân bổ vào chi phí năm 2021 là:

Nợ TK 642 1.875.000

Có TK 242 1.875.000

❖ Ý kiến thứ hai: Hoàn thiện việc xây dựng kế hoạch sửa chữa lớn tài sản cố định

Sửa chữa lớn TSCĐ là hoạt động mang tính chất khôi phục hoặc nâng cấp, cải tạo khi TSCĐ bị hư hỏng nặng. Hoặc theo yêu cầu đảm bảo kỹ thuật để nâng cao năng lực sản xuất và hiệu suất hoạt động của tài sản. Thời gian sửa chữa kéo dài và TSCĐ phải ngưng hoạt động, chi phí phát sinh lớn nên không thể tính hết một lần vào chi phí của đối tượng sử dụng phương pháp phân bổ thích ứng. Vì vậy công ty cần có kế hoạch cũng như dự trù kinh phí cho sửa chữa lớn tài sản cố định.

Nếu dựa vào phương thức tiến hành sửa chữa TSCĐ thì doanh nghiệp có thể làm theo 2 phương thức:

+ Phương thức thuê ngoài: Doanh nghiệp sẽ tổ chức cho các đơn vị bên ngoài đấu thầu hoặc giao thầu sửa chữa và ký hợp đồng sửa chữa với đơn vị trúng thầu hoặc nhận thầu. Hợp đồng phải quy định rõ về giá giao thầu sửa chữa tài sản cố định, thời gian giao nhận, nội dung công việc sửa chữa... Hợp đồng giao thầu sửa chữa TSCĐ sẽ là cơ sở để doanh nghiệp quản lý, kiểm tra, điều hành công tác sửa chữa TSCĐ.

+ Phương thức tự làm: Doanh nghiệp phải chi trả ra các khoản chi phí sửa chữa cho TSCĐ như: chi phí vật liệu, phụ tùng hay nhân công... Công việc sửa chữa TSCĐ có thể được thực hiện bởi bộ phận quản lý, sử dụng TSCĐ hay bộ phận sản xuất kinh doanh phụ của doanh nghiệp thực hiện.

*** Tài khoản sử dụng:**

TK 241 (2413): Sửa chữa lớn TSCĐ; TK 242: Chi phí trả trước và các tài khoản liên quan: TK 111,112,...

*** Phương pháp hạch toán:**

Công tác sửa chữa lớn tài sản cố định của doanh nghiệp có thể tiến hành theo phương thức tự làm hoặc giao thầu:

- Theo phương thức tự làm: Khi chi phí sửa chữa lớn phát sinh, căn cứ chứng từ phát sinh chi phí để hạch toán:

Nợ TK 241- XDCB dở dang

Nợ TK 133- Thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 111,112, 152,...

Khi công trình sửa chữa lớn đã hoàn thành, kế toán phải tính giá thực tế của từng công trình sửa chữa lớn để quyết toán số chi phí này theo các trường hợp sau:

- + Trường hợp chi phí sửa chữa lớn TSCĐ có giá trị nhỏ:

Nợ TK 154, 642

Có TK 241- XDCB dở dang (2413)

+ Trường hợp chi phí sửa chữa lớn TSCĐ có giá trị lớn và liên quan đến nhiều kỳ sản xuất, kinh doanh, khi công việc sửa chữa lớn TSCĐ hoàn thành, tiến hành kết chuyển vào tài khoản chi phí trả trước hoặc chi phí phải trả về sửa chữa lớn TSCĐ:

Nợ TK 242- Chi phí trả trước

Nợ TK 335- Nếu công ty có trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ

Có TK 241-XDCB dở dang (2143)

+ Trường hợp sửa chữa lớn hoặc cải tạo, nâng cấp thỏa mãn điều kiện ghi tăng nguyên giá TSCĐ, ghi:

Nợ TK 211- TSCĐ hữu hình

Có TK 241- XDCB dở dang (2413)

- Theo phương thức giao thầu:

Khi nhận khối lượng sửa chữa lớn do bên nhận thầu bàn giao, ghi:

Nợ TK 241- XDCB dở dang (2413)

Nợ TK 133- Thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 331- Phải trả cho người bán.

❖ **Ý kiến thứ ba: Hoàn thiện hệ thống sổ kế toán theo dõi chi tiết tài sản cố định:**

Hiện nay, công ty đã mở hệ thống sổ kế toán để theo dõi tài sản cố định. Tuy nhiên, việc kiểm tra đối chiếu giữa sổ theo dõi tài sản cố định và Bảng tổng hợp tài sản cố định còn gặp khó khăn do tính logic của số liệu. Vì vậy công ty nên lập Bảng tổng hợp tăng, giảm tài sản cố định để thuận tiện cho việc ghi chép cũng như đối chiếu số liệu với bảng tổng hợp TSCĐ. Dưới đây là mẫu Bảng tổng hợp tăng, giảm tài sản cố định.

Biểu số 3.3: Bảng tổng hợp tăng tài sản cố định.

Công ty TNHH thương mại và vận tải
Anh Lộc Phát - H68
12/138 Hai Bà Trưng, An Biên, Lê Chân, Hải Phòng

Mẫu số TS15 – DNN
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
ngày 26 tháng 08 năm 2016 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG TỔNG HỢP TĂNG TSCĐ

Năm 2021

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên TSCĐ	Số hiệu	Số thẻ	Số tháng KH	Đơn vị SD	Nguyên giá
	...					
11	Xe Thaco 29 chỗ 01	15LD011.55	45	72	Đội xe	1.723.463.636
	...					
	Tổng					11.110.025.454

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2021

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 3.4: Bảng tổng hợp giảm tài sản cố định.

Công ty TNHH thương mại và vận tải
Anh Lộc Phát - H68
 12/138 Hai Bà Trưng, An Biên, Lê Chân, Hải Phòng

Mẫu số TS16 – DNN
 ((Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
 ngày 26 tháng 08 năm 2016 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG TỔNG HỢP GIẢM TSCĐ

Năm 2021

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên TSCĐ	Số hiệu	Số thẻ	Số tháng KH	Đơn vị SD	Nguyên giá
1	Xe ô tô 4 chỗ	15A101.44	08	72	Văn phòng	424.680.000
	Tổng					424.680.000

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2021

Người lập biểu
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Giám đốc
 (Ký, họ tên, đóng dấu)

❖ Ý kiến thứ tư: Hoàn thiện việc luân chuyển chứng từ kế toán:

Việc luân chuyển chứng từ từ các phòng ban tới phòng kế toán còn chậm gây dồn ứ công việc sang tháng làm ảnh hưởng không tốt cho công tác kế toán và khiến nhân viên kế toán vất vả trong công việc. Vì vậy để chứng từ được luân chuyển kịp thời và đầy đủ công ty nên có những quy định về ngày luân chuyển chứng từ trong tháng.

Chẳng hạn như doanh nghiệp có thể quy định đến các ngày nhất định trong tháng các phòng, ban phải tập hợp và gửi toàn bộ chứng từ phát sinh về phòng kế toán để kế toán xử lý các chứng từ đó một cách cập nhật nhất. Với công nghệ thông tin bây giờ rất hiện đại có thể sử dụng các ứng dụng của mạng internet như email...

Công ty có chế độ, quy định thưởng với những phòng ban luân chuyển chứng từ kịp thời và phê bình, kỷ luật đối với những cá nhân, tập thể không thực hiện đúng quy định để quản lý giờ làm việc, bàn giao công việc hợp lý và trách nhiệm của từng người để tăng hiệu suất làm việc.

❖ Ý kiến thứ năm: Hoàn thiện việc ghi chép sổ sách kế toán:

Nếu như trước đây khi kế toán viên cộng sổ kế toán sai thì toàn bộ các báo cáo tài chính quản trị có liên quan đều phải được lập lại từ đầu và thời gian tiêu

tốn cho việc này có thể mất vài ngày thậm chí tới vài tuần để hoàn thành thì nay với sự hỗ trợ của phần mềm kế toán, người sử dụng có thể giảm tối đa thời gian lãng phí vào việc chỉnh sửa dữ liệu, sổ sách, báo cáo từ vài ngày xuống còn vài phút. Mặt khác công tác kế toán thủ công đòi hỏi cần nhiều nhân sự làm kế toán trong khi phần mềm kế toán do tự động hóa hoàn toàn các công đoạn tính toán, lưu trữ, tìm kiếm và kết xuất báo cáo nên tiết kiệm được nhân sự và thời gian, chính điều này đã góp phần tiết kiệm chi phí cho doanh nghiệp.

Cùng với sự phát triển ngày càng cao của khoa học kỹ thuật, xu hướng phát triển nhanh chóng trên toàn thế giới, việc áp dụng công nghệ thông tin trong hạch toán kế toán là rất cần thiết.

Áp dụng tiến bộ của khoa học kỹ thuật vào công tác kế toán có chi phí đầu vào không cao nhưng hiệu quả mang lại rất lớn. Nó giúp giảm nhẹ rất nhiều khối lượng công việc của kế toán viên, nâng cao độ tin cậy, độ chính xác của các con số trong kế toán.

Em xin giới thiệu một số phần mềm khá phổ biến và uy tín trên thị trường, phù hợp với các doanh nghiệp vừa và nhỏ : Misa, Fast accounting, Bravo,...

Phần mềm quản trị- tài chính- kế toán Bravo



Phiên bản mới của “Phần mềm quản trị tài chính - kế toán BRAVO” là Bravo8. Với nền tảng được thiết kế trên công nghệ hiện đại cho phép phần mềm BRAVO dễ dàng được sửa đổi, thêm bớt chức năng trong từng phân hệ (module) và thêm những phân hệ mới.

BRAVO được xây dựng theo từng phân hệ (module) nhằm mục đích trợ giúp và quản lý các hệ thống quy trình quản lý SXKD của doanh nghiệp trên

phần mềm (*Quản lý và hoạch định tài nguyên doanh nghiệp*)

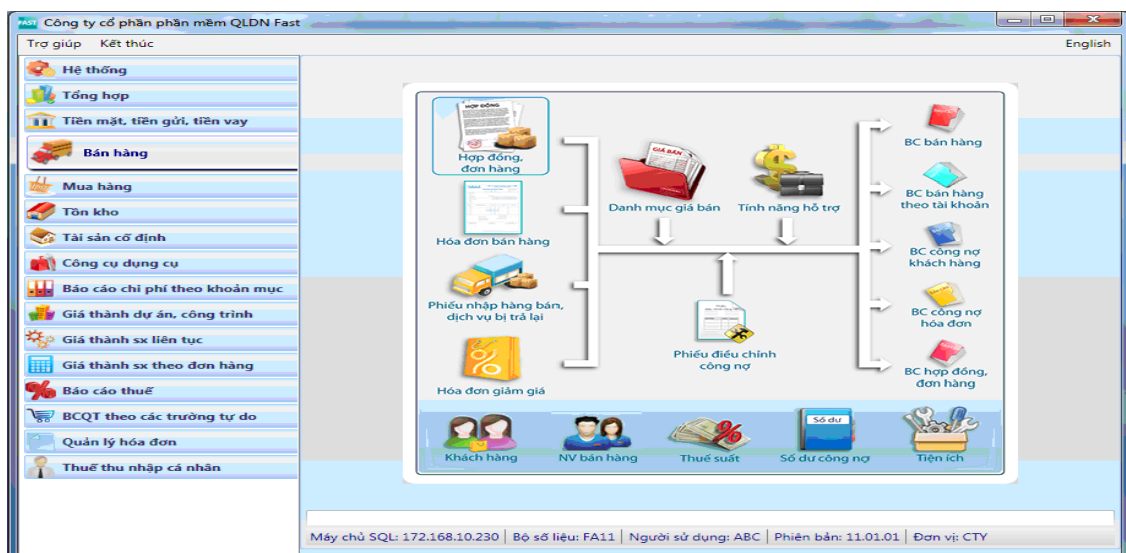
Hệ thống mở, mềm dẻo linh hoạt

Cùng với sự phát triển của doanh nghiệp, các yêu cầu về quản trị sẽ thay đổi dẫn đến sự quá tải đối với các phần mềm có thiết kế đóng. Đồng thời, tính đa dạng và đặc thù của các ngành nghề kinh doanh làm cho vấn đề càng trở nên phức tạp khi không có những phần mềm được tổ chức tốt và thiết kế mở. Phần mềm BRAVO được thiết kế với hệ thống mở, mềm dẻo, linh hoạt để điều chỉnh các tính năng không chỉ phù hợp với yêu cầu hiện tại mà còn sẵn sàng cho sự phát triển trong tương lai của doanh nghiệp cũng như sự biến động về chính sách, chế độ của Nhà nước (*thiết kế hợp với yêu cầu đa dạng của thực tế*). Với nền tảng ứng dụng (*Framework*) được thiết kế trên công nghệ hiện đại cho phép phần mềm BRAVO dễ dàng được sửa đổi, thêm bớt chức năng trong từng phân hệ (*module*) và thêm những phân hệ mới.

Quy trình xử lý trình tự công việc (WorkFlow)

Quy trình làm việc của doanh nghiệp có rất nhiều bộ phận cũng như nhân viên tham gia. Việc phối hợp xử lý công việc cũng như đồng nhất dữ liệu giữa các nhân viên, bộ phận rất phức tạp cần phải quy định trình tự các bước thực hiện sao cho việc nhập, khai thác dữ liệu tránh trùng lặp và sai sót. BRAVO cho phép người sử dụng tự khai báo, định nghĩa quy trình xử lý tuần tự các công việc phù hợp với thực tế doanh nghiệp.

Phần mềm kế toán Fast Accounting



Fast Accounting được phát triển và liên tục hoàn thiện từ năm 1997, hiện có hơn 8.500 khách hàng và đạt nhiều giải thưởng khác nhau như BIT CUP, Sản phẩm được nhiều người sử dụng, CUP CNTT...

Fast Accounting 11 được phát triển trên công nghệ của Microsoft, ngôn ngữ lập trình là C#.NET, cơ sở dữ liệu là SQL Server, có thể chạy trên máy đơn lẻ, mạng nội bộ hoặc làm việc từ xa qua internet. Đặc biệt Fast Accounting 11 có thể chạy đồng thời dưới dạng ứng dụng windows hoặc ứng dụng web thông qua các trình duyệt phổ biến như Internet Explorer, Fire Fox...

Fast Accounting 11 cho phép chạy trên web-based giúp cho người sử dụng không phải cài đặt phần mềm trên máy tính, chỉ cần truy cập qua địa chỉ trên web, gõ tên và mật khẩu là có thể làm việc bình thường. Điều này đặc biệt thuận lợi khi làm việc từ xa và khi mở rộng thêm văn phòng, chi nhánh, cửa hàng...

KẾT LUẬN

Tài sản cố định là cơ sở vật chất không thể thiếu trong quá trình sản xuất kinh doanh tại mỗi doanh nghiệp nói riêng và nền kinh tế quốc dân nói chung. Kế toán tài sản cố định và phân tích tình hình sử dụng tài sản cố định không chỉ góp phần nâng cao hiệu quả, chất lượng quản lý, sử dụng tài sản cố định mà còn có ý nghĩa thực tiễn trong quá trình định hướng đầu tư.

Có thể nói, khóa luận đã nêu được ra các vấn đề cơ bản sau:

Về lý luận, bài viết đã hệ thống hóa một cách chi tiết và đầy đủ các vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán tài sản cố định trong doanh nghiệp theo quy định hiện hành.

Về thực tiễn, bài viết đã trình bày được khá chi tiết và cụ thể thực trạng công tác kế toán tài sản cố định tại Công ty TNHH thương mại và vận tải Anh Lộc Phát - H68. Bài viết có số liệu minh họa cụ thể (Năm 2021).

Về mặt giải pháp, bài viết đã đánh giá được những ưu điểm, nhược điểm của công tác kế toán tài sản cố định tại Công ty, trên cơ sở đó tác giả đã đưa ra được các giải pháp hoàn thiện có tính khả thi và tương đối phù hợp với tình hình thực tế tại công ty, như: Giải pháp về phân bổ chi phí, giải pháp về luân chuyển chứng từ kế toán, giải pháp về sửa chữa lớn tài sản cố định, giải pháp về hiện đại hóa công tác ghi chép sổ sách kế toán.

Do trình độ lý luận và thực tiễn còn hạn chế, thời gian thực tập có hạn, nên bài khóa luận của em không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự góp ý của thầy, cô giáo và các anh chị phòng kế toán của Công ty để bài khóa luận của em được phong phú và lý luận sát với thực tiễn ở công ty.

Qua đây, em xin chân thành cảm ơn các anh chị trong Công ty TNHH thương mại và vận tải Anh Lộc Phát - H68; cảm ơn các thầy cô giáo trong khoa Quản trị kinh doanh và đặc biệt là cô giáo **Ths. Phạm Thị Nga** đã giúp em để em có thể hoàn thiện bài khóa luận tốt nghiệp của mình.

Em xin chân thành cảm ơn!

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ tài chính (2009), *Chế độ kế toán doanh nghiệp quyển 1 Hệ thống tài khoản kế toán*, Nhà xuất bản Tài chính.
2. Bộ tài chính (2009), *Chế độ kế toán doanh nghiệp quyển 2 Báo cáo tài chính, chứng từ, sổ sách kế toán và sơ đồ kế toán*, Nhà xuất bản Tài chính.
3. Bộ Tài chính (2016), *Thông tư 133/2016/TT-BTC*
4. Công ty TNHH thương mại và vận tải Anh Lộc Phát - H68 (2021) *Sổ sách kế toán Công ty*.
5. Các tài liệu khác trên internet.